

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2026/HS-PT
Ngày: 14 – 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 và 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2026/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo Phạm Minh A, Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1, Trần Mạnh H và Đỗ Hữu H1, do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2025/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo, kháng nghị:

1. Phạm Minh A, sinh năm 1964 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); căn cước công dân số 0770640000906 cấp ngày 29/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: số B N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: bác sĩ; chức vụ: nguyên Giám đốc Sở Y tế tỉnh B; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn T1 (Liệt sĩ) và bà Trần Thị H2, sinh năm 1942; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ là Lê Thị Khánh Q, sinh năm 1971; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt ngày 07/5/2026, có mặt ngày 14/5/2026).

2. Trần Mạnh H, sinh năm 1977 tại tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); căn cước công dân số 070077005644 cấp ngày 12/5/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: 2 T, Phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: đường E ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế tỉnh B; con ông Trần Hải V (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (Liệt sĩ); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ là Huỳnh Thị C, sinh năm 1978; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2024 (có mặt).

3. Đỗ Hữu H1, sinh năm 1986 tại thành phố Hà Nội; căn cước công dân số 001086004179 cấp ngày 16/8/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: xã H, huyện P, thành phố Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội); nơi tạm trú: 442/1/12/16 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kỹ sư, nơi làm việc: Công ty TNHH T22; con ông Đỗ Hữu H3, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị C1, sinh năm 1961; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Trương Thị T2, sinh năm 1994; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2024 (có mặt).

4. Huỳnh Tuấn A1, sinh năm 1984 tại tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số 086084000063 cấp ngày 20/7/2016 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: số E đường số D, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty TNHH T23; con ông Huỳnh Quang Đ, sinh năm 1960 và bà Lê Thị B (đã chết); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; vợ là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 389/HS-PT ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên phạt Huỳnh Tuấn A1 30 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Tạ Quang T, sinh năm 1968 tại tỉnh Quảng Trị; căn cước công dân số 045068000107 cấp ngày 18/9/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: 84/2/4 đường số F, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Y; con ông Tạ Quang T3 (đã chết) và bà Thân Thị Hương G (đã chết); gia

đình có 5 anh em, bị cáo là con đầu; vợ là Lê Thị M, sinh năm 1970; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2024, đến ngày 29/5/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh (có mặt).

6. Lê Hữu L1, sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số 079075009518 cấp ngày 27/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: E V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng Kinh doanh thiết bị y tế Công ty Cổ phần Y; con ông Lê Chính T4, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1943; gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Dương Thị Mỹ C2, sinh năm 1975 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh H: Luật sư Nguyễn Thành C3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tuấn A1: Các luật sư Huỳnh Văn N và Nguyễn Văn T5 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

3. Người bào chữa cho bị cáo Lê Hữu L1: Luật sư Đặng Thị Thúy H4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

4. Người bào chữa cho bị cáo Tạ Quang T theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Đoàn Trọng N1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* Sở Y tế tỉnh B (nay là Sở Y tế Thành phố H).

Địa chỉ: E N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T6 - chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch Sở Y tế Thành phố H (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần T24.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh M1, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: C, Tháp C, Chung cư G, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường Y, thành phố Hà Nội).

2. V4

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng Q1, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: 2 N, tổ B Y, Quận C, Hà Nội (nay là phường C, Thành phố Hà Nội).

3. Công ty cổ phần T25

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng V1, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 B, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh 4. Công ty TNHH T26

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hương H5, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: E đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Công ty TNHH T27

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc T7, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: A, Đường D, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Bà Đặng Thị Khánh L3, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: 6 T, Phường E, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

7. Bà Trần Thị Kim T8, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: 1 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phan Thị Thủy T9, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: 2 B, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh).

9. Công ty TNHH T28

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T10, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: E CC Sunrise R, Nguyễn Hữu T11, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

10. Công ty TNHH K1

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng T12, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: C T, Phường H, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

11. Ông Phạm Hồng X, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: B L, Phường H, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

12. Công ty Cổ phần Y

Địa chỉ: 4 Bà T, phường C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Mỹ L4- chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: G K, Tòa nhà R G N, phường T, Hà Nội.

13. Bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: P, nhà A, Tập thể N, Đ, Hà Nội.

14. Bà Phan Vũ Cẩm V2, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: KDC G, E A Đ, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

15. Ông Nguyễn Bá B1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 2 B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

16. Bà Cao Thị Huỳnh M2, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: B, CC C V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

17. Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: 5, Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

18. Bà Nguyễn Thị Xuân M3, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: A Xóm C, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

19. Ông Lê Xuân T13, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E Khu Đ, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Trần Mỹ L4, Nguyễn Thị L5, Phan Vũ Cẩm V2, Nguyễn Bá B1, Cao Thị Huỳnh M2, Nguyễn Minh S, Nguyễn Thị Xuân M3, Lê Xuân T13:

- Bà Hoàng Thị T14, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: H đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Nguyễn Đình Thái H6, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 9 đường D (nhánh C), khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Bà Nguyễn Thị Mỹ H7, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: C N, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội).

21. Ông Nguyễn Bá T15, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn K, xã P, huyện V, Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên).

22. Bà Đặng Thu T16, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ B, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường V, thành phố Hà Nội).

23. Ông Vũ Trường K, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 N, phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

24. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà số E, đường số D, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

25. Công ty TNHH T23

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Nguyễn Như N2, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Địa chỉ: khu phố D, S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai).

26. Ông Ngô Trí C4, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: hẻm A đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

27. Bà Nguyễn Thị Việt D1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: B N, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

28. Bà Lâm Kim H8, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Tổng quan về Dự án mua sắm trang thiết bị y tế (TTBYT) Bệnh viện đa khoa thành phố V:

1.1 Việc xác định nhu cầu đầu tư và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:

Bệnh viện đa khoa thành phố V được thành lập năm 1991 với quy mô 420 giường bệnh gồm 05 phòng chức năng, 16 khoa phòng. Sau quá trình hoạt động đã xuống cấp nên ngày 15/11/2005, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành văn bản số 6763/UB-VP gửi Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Y tế và Sở T29 về việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đ2, Bệnh viện Đ... trong đó cơ quan có thẩm quyền giao Sở Y tế làm chủ đầu tư dự án phần thiết bị y khoa.

Để có cơ sở phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, Sở Y tế tỉnh B đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần T24 (viết tắt là: Công ty T24) để lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V để Sở Y tế xin ý kiến các Sở, B2, Ngành và UBND tỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

Sau khi các Sở, N3 có ý kiến theo thẩm quyền thì ngày 05/5/2017, Hội đồng thẩm định UBND tỉnh có Báo cáo số 111/BC-HĐTĐ gửi Sở Y tế về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án với nội dung: thống nhất đề nghị của Sở Y tế với tổng mức đầu tư là 465.130.000.000 đồng; thời gian dự kiến bố trí vốn khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

Ngày 24/7/2017, Công ty T24 ban hành Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trên cơ sở hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 111/BC-HĐTĐ ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm định UBND tỉnh gửi Sở Y tế. Ngày 12/9/2017, Sở Y có Tờ trình số 2823/TTr-SYT gửi UBND tỉnh, đề nghị phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Đồng thời, ngày 21/9/2017, Sở Kế hoạch Đầu tư có văn bản số 1914/SKHĐT-VX gửi UBND tỉnh về việc trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án TTBYT Bệnh viện Đa khoa thành phố V.

Ngày 16/10/2017, UBND tỉnh có Tờ trình số 125/TTr-UBND gửi Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án TTBYT Bệnh viện Đa khoa thành phố V.

Ngày 10/11/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản số 460/HĐND-VP gửi UBND tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án TTBYT Bệnh viện Đa khoa thành phố V với nội dung: Đồng ý chủ trương đầu tư dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V, quy mô 350 giường, tổng mức đầu tư 465.130.000.000 đồng, trong đó vốn đầu tư mua sắm TTBYT là 407.042.800.000 đồng, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu và chi phí khác là 14.033.389.000 đồng, chi phí dự phòng là 43.053.341.000 đồng.

1.2. Việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án:

Sau khi được Hội đồng nhân dân phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, Sở Y đã ký hợp đồng với Công ty T24 để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án và ký hợp đồng với V4 (viết tắt là: Viện Công nghệ) để thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi do Công ty T24 lập.

Ngày 16/5/2019, ông Trịnh M1 - Tổng Giám đốc Công ty T24 ký ban hành Báo cáo nghiên cứu khả thi trên cơ sở hoàn thiện theo Báo cáo thẩm tra số 01/BCTTDA-VCN ngày 15/5/2019 của Viện Công nghệ gửi Sở Y tế.

Ngày 22/5/2019, Sở Y ban hành Tờ trình số 81/TTr-SYT gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch đầu tư đề nghị thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án TTBYT Bệnh viện Đa khoa thành phố V.

Ngày 16/3/2020, Sở Kế hoạch đầu tư có Công văn số 554/SKHĐT-XH gửi Sở Y về việc thông báo kết quả thẩm định dự án TTBYT Bệnh viện Đa khoa thành phố V. Ngày 24/3/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định 617/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V trong đó yêu cầu Chủ đầu tư là Sở Y tế phải “thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực chuyên môn thẩm tra thiết kế kỹ thuật – dự toán và thẩm định giá thiết bị cho dự án Trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa thành phố V” (mục 12 Điều 1).

1.3. Việc lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Ngày 14/4/2020, ông Phạm Minh A ký Tờ trình số 65/SYT-KHTC gửi UBND tỉnh đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án TTBYT Bệnh viện Đa khoa thành phố V. Đến ngày 28/4/2020, ông Phạm Minh A tiếp tục ký ban hành Công văn số 1189/SYT-KHTH gửi UBND tỉnh về việc đấu thầu tư vấn quản lý dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V.

Ngày 05/5/2020, Sở Kế hoạch Đầu tư có Báo cáo thẩm định số 145/BC-SKHĐT gửi UBND tỉnh về kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án TTBYT Bệnh viện Đa khoa thành phố V.

Ngày 11/5/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1165/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V gồm 25 gói thầu, trong đó có 08 gói thầu tư vấn (từ gói số 01 đến số H), 01 gói thầu đào tạo phát triển nhân lực (gói số 09), 16 gói thầu mua sắm (từ gói số 10 đến số 25). Tổng giá trị là 417.684.592.000 đồng.

2. Tổng quan về Gói thầu số 25:

Gói thầu số 25 - Thiết bị cho phòng M4 chấn thương chỉnh hình, thuộc dự án Trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa thành phố V là 01 trong số 25 gói thầu được phê duyệt theo Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh B. Hình thức thực hiện là đấu thầu rộng rãi qua mạng, phương thức đấu thầu 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ; giá dự toán là 38.410.000.000 đồng, giá trị trúng thầu là 37.980.000.000 đồng, đơn vị trúng thầu là Công ty cổ phần Y (viết tắt là Công ty Y).

* Việc phê duyệt lập cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật, dự toán và tổ chức đấu thầu:

Sở Y ký Hợp đồng thuê Công ty T24 lập hồ sơ cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán Gói thầu; thuê Viện Công nghệ thẩm tra hồ sơ cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán do Công ty T24 lập; thuê Công ty TNHH T27 (viết tắt là: Công ty T27) thẩm định giá 08 TTBYT Gói thầu số 25, cụ thể như sau:

- Bước 1: Lập hồ sơ cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán:

Ngày 02/4/2021, ông Trịnh M1 - Giám đốc Công ty T24 ký Hồ sơ lập cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán Gói thầu số 25 (Bản xin ý kiến) và Công văn số 50/CV-TVTL gửi Sở Y tế và đơn vị sử dụng là Bệnh viện V về

việc đề nghị góp ý cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán thiết bị Gói thầu số 25.

Cùng ngày 02/4/2021, ông Phạm Minh A ký Công văn số 1604/SYT-KHTC gửi Bệnh viện V về việc lấy ý kiến đóng góp Hồ sơ lập cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán thiết bị Gói thầu số 25 do công ty T24 lập.

Ngày 14/4/2021, Bệnh viện V ban hành Công văn số 1239/BVLL-TBYT gửi Sở Y tế về việc đóng góp ý kiến về cấu hình trang thiết bị y tế đính kèm Biên bản họp hội đồng khoa học công nghệ Bệnh viện V.

Ngày 16/4/2021, ông Phạm Minh A ký Công văn số 1845/SYT-KHTC gửi Công ty T24 về việc đề nghị tiếp thu ý kiến đóng góp Hồ sơ lập cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán thiết bị Gói thầu số 25.

Ngày 19/4/2021, Công ty T24 ban hành Công văn số 57/CV-TVTL phúc đáp Công văn số 1845/SYT-KHTC ngày 26/4/2021 của Sở Y tế về việc tiếp thu ý kiến đóng góp của Sở Y tế và Bệnh viện V.

Ngày 20/4/2021, ông Phạm Minh A ký ban hành Công văn số 1921/SYT-KHTC về việc phúc đáp Công văn số 57/CV-TVTL ngày 19/4/2021 của Công ty T24 trong đó có thể hiện nội dung: thống nhất với ý kiến chỉnh sửa Hồ sơ lập cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán thiết bị Gói thầu số 25 của Công ty T24.

Ngày 22/4/2021, Công ty T24 ký Hồ sơ lập cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán thiết bị Gói thầu số 25 (Bản bổ sung ý kiến) trình chủ đầu tư là Sở Y tế tỉnh B.

- Bước 2: Thẩm tra hồ sơ cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán

Với tư cách Chủ đầu tư, Sở Y tế tỉnh B đã chuyển hồ sơ cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán đến đơn vị thẩm tra hồ sơ cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán là Viện công nghệ.

Ngày 26/4/2021, ông Nguyễn Trọng Q1 - Viện trưởng V4 ký ban hành Báo cáo số 19/BCTT-VCN về việc báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ lập cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán Gói thầu số 25.

Ngày 28/4/2021, Công ty T24 ký Hồ sơ lập cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán Gói thầu số 25 (Bản hoàn chỉnh, sau thẩm tra) chuyển đến chủ đầu tư là Sở Y tế.

- Bước 3: Thẩm định giá Gói thầu:

Theo quy trình thì Chủ đầu tư là Sở Y tế tiếp tục chuyển hồ sơ cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật, dự toán (bản hoàn chỉnh sau thẩm tra) đến đơn vị tư vấn thẩm định giá là Công ty T27 để thẩm định giá gói thầu. Ngày 20/05/2021, ông Trần Quốc T7, Chủ tịch Hội đồng quản trị và là đại diện pháp luật Công ty T27 phát hành Chứng thư Thẩm định giá số 3859P/20/CER.VVALUES về việc thẩm định giá Gói thầu số 25 gửi Chủ đầu tư là Sở Y tế tỉnh B.

- Bước 4: Phê duyệt hồ sơ cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán:

Nhưng trước khi Công ty T27 chính thức ban hành Chứng thư Thẩm định giá nêu trên thì ngày 19/5/2021, Trần Mạnh H, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế đã chuyển hồ sơ cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán của Công ty T24 (bản hoàn chỉnh theo ý kiến của đơn vị thẩm tra) và bản dự thảo Chứng thư thẩm định giá của Công ty T27 cho Đỗ Hữu H1, Giám đốc Công ty TNHH T22 (viết tắt là: Công ty T22). Từ những tài liệu nêu trên, ngày 19/5/2021, Đỗ Hữu H1 ban hành Tờ trình số 54/2021/TTr-SH gửi Chủ đầu tư là Sở Y tế đề nghị phê duyệt cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán Gói thầu số 25 (Tờ trình được ban hành dựa trên bản dự thảo Chứng thư thẩm định giá).

Như trên đã nêu, ngày 20/5/2021, ông Trần Quốc T7, Tổng giám đốc Công ty T27 mới ký ban hành Chứng thư thẩm định giá số 3859P/20/CER.VVALUES và Báo cáo thẩm định giá TTBYT gói thầu sau đó mới gửi cho Sở Y tế nhưng cùng ngày 20/5/2021, ông Phạm Minh A, đã ký Quyết định số 437/QĐ-SYT, phê duyệt thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu với giá trị là 38.410.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định việc gửi Chứng thư thẩm định giá số 3859P/20/CER.VVALUES và Báo cáo thẩm định giá TTBYT gói thầu đến Sở Y tế sau ngày 20/5/2021.

- Bước 5: Tổ chức đấu thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Sau khi ký Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021 về việc phê duyệt thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu, Sở Y tế đã ký Hợp đồng thuê Công ty cổ phần T25 (viết tắt là: Công ty T25) tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá kết quả hồ sơ dự thầu (viết tắt là lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT); thuê Công ty TNHH T26 (viết tắt là: Công ty T26) tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu (viết tắt là thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu) của Công ty T25 để trình Sở Y tế phê duyệt, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/5/2021, ông Lê Hoàng V1 – Giám đốc Công ty T25 ký lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT) với hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng theo phương thức 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.

+ Ngày 26/5/2021, bà Trần Thị Hương H5 – Giám đốc Công ty T26 ký Báo cáo số 01.25/BC-VTP.TĐ/28 về việc thẩm định E-HSMT do Công ty T25 lập.

+ Ngày 27/5/2021, ông Đỗ Hữu H1 – Giám đốc Công ty T22 ký Tờ trình số 62/2021/TTr-SH gửi Sở Y tế, đề nghị phê duyệt E-HSMT.

+ Ngày 28/5/2021, ông Phạm Minh A ký Quyết định số 461/QĐ-SYT, phê duyệt E-HSMT. Cùng ngày, Sở Y tế đã đăng tải thông tin mời thầu lên trên hệ thống đấu thầu điện tử quốc gia tại trang Web, được cấp số thông báo mời thầu: TBMT 20210575196-00.

Khi biết thông tin Sở Y tế tỉnh B mời thầu Gói thầu số 25, Huỳnh Tuấn A1, Giám đốc Công ty TNHH T23 (viết tắt là Công ty T23), mã số thuế 0310185015, địa chỉ số C N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và Lê

Hữu L1 - Trưởng phòng kinh doanh TTBYT Công ty Y đã liên hệ với nhau để bàn bạc, trao đổi, thỏa thuận về việc Công ty Y có năng lực về tài chính, năng lực dự thầu nên sẽ đứng tên trên E-HSDT, Công ty T23 chịu trách nhiệm chuẩn bị hàng hóa. Nếu trúng thầu, Công ty Y sẽ được phân chia lợi nhuận từ 1,7 đến 1,8% tổng giá trị gói thầu, tương đương khoảng 683.640.000 đồng. Sau khi trao đổi, thỏa thuận, L1 đã báo cáo Tạ Quang T - Phó Tổng giám đốc Công ty Y đề xin chủ trương tham gia dự thầu và đã được đồng ý. Quá trình lập E-HSDT, Công ty Y đã chuẩn bị hồ sơ về pháp nhân, năng lực và tài chính... theo các yêu cầu được nêu ra trong E-HSMT. Các hồ sơ cam kết về hàng hóa do Công ty T23 lập và cung cấp cho Công ty Y để ký, đóng dấu và nộp tham gia dự thầu. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc tham gia dự thầu đều do L1 lập và ký nháy để T ký ban hành với tư cách Công ty Y; các Giấy ủy quyền bán hàng của nhà phân phối do Huỳnh Tuấn A1 liên hệ với doanh nghiệp cung cấp hàng hóa để lập và chuyển cho Công ty Y để nộp trong E-HSDT. Trong các tài liệu đứng tên các doanh nghiệp cung ứng hàng hóa, về hình thức hồ sơ đều cam kết cung cấp hàng hóa cho Công ty Y để bán hàng cho chủ đầu tư nhưng sau khi Công ty Y trúng thầu, các doanh nghiệp này đã cung cấp hàng cho Công ty T23 để bán lại cho Công ty Y, không thực hiện cam kết của mình như các tài liệu trong E-HSDT.

+ Sau khi nhận Hồ sơ dự thầu (viết tắt là E-HSDT) của Công ty Y, ngày 21/6/2021, Công ty T25 ban hành Báo cáo số 29.01.25/BC/TV-TSG về việc đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật (viết tắt là E-HSDXKT) gửi Chủ đầu tư. Sau khi được Chủ đầu tư chuyển báo cáo của Công ty T25, ngày 22/6/2021, Công ty V5 Báo cáo số 02.25/BC-VTP.TĐ/28 về việc thẩm định kết quả đánh giá E-HSDXKT.

+ Ngày 23/6/2021, với tư cách Giám đốc Công ty tư vấn thực hiện dự án, Đỗ Hữu H1 ban hành Tờ trình số 71/2021/TTr-SH về việc đề nghị phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Cùng ngày, Phạm Minh A ký Quyết định số 547/QĐ-SYT về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và Thông báo số 180/TB-SYT về việc thông báo nhà thầu đạt yêu cầu kỹ thuật là Công ty Y.

+ Ngày 24/6/2021, Công ty T25 ban hành Báo cáo số 29.02.25/BC/TV-TSG về việc đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính (viết tắt là: E-HSDXTC).

+ Ngày 29/6/2021, Công ty V5 Báo cáo số 03.25/BC-VTP.TĐ/28 về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi chủ đầu tư.

+ Ngày 30/6/2021, Đỗ Hữu H1 ban hành Tờ trình số 75/2021/TTr-SH về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Cùng ngày, Phạm Minh A ký Quyết định số 582/QĐ-SYT về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu là Công ty Y với giá trúng thầu 37.980.000.000 đồng.

+ Ngày 05/7/2021, với tư cách Phó Tổng Giám đốc Công ty V6, Tạ Quang T đã ký Hợp đồng kinh tế số G25/HĐKT với Sở Y về việc cung cấp, lắp đặt TTBYT Gói thầu số 25 với giá trị là 37.980.000.000 đồng. Quá trình thực hiện,

Công ty V6 đã lập thủ tục đề nghị thanh toán và xuất hóa đơn để Sở Y tế thanh toán tổng số tiền là 36.081.000.000 đồng. Trong đó, thanh toán chuyển khoản cho Công ty Y 35.752.990.909 đồng qua tài khoản số 118000190054 tại Ngân hàng TMCP C5 chi nhánh 3 Thành phố H; nộp thay nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng cho Công ty Y 01% thuế GTGT, tương đương 328.009.091 đồng theo quy định tại khoản 5, Điều 13, Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ T30 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Số tiền này được trừ vào khoản chưa thanh toán là 1.899.000.000 đồng, tương đương 05% giá trị gói thầu, do dự án chưa được phê duyệt quyết toán hoàn thành.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để tiến hành định giá 08 TTBYT Gói thầu số 25.

Ngày 19/01/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ban hành Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS xác định giá trị tài sản 08 hệ thống thiết bị phòng mổ Hybrid chấn thương chỉnh hình theo Gói thầu số 25 với kết quả như sau:

- Giá trị tài sản chưa bao gồm chi phí và lợi nhuận của nhà phân phối là 14.386.398.790 đồng.

- Giá trị tài sản đã bao gồm chi phí và lợi nhuận của nhà phân phối thứ nhất là 17.688.100.171 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản sản (giá trị tài sản đã bao gồm chi phí và lợi nhuận của nhà phân phối) và giá trị tài sản đã được Nhà nước đã thanh quyết toán cho công ty Y là 35.752.990.909 đồng, xác định được số tiền gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước là 35.752.990.909 đồng - 17.688.100.171 đồng = 18.064.890.192 đồng.

II. Kết quả điều tra xác định:

1. Đối với Huỳnh Tuấn A1:

Khoảng cuối tháng 5/2021, khi biết thông tin Sở Y có thông báo mời thầu Gói thầu số 25- Thiết bị cho phòng M4 chấn thương chỉnh hình, thuộc dự án Trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa thành phố V được đăng tải trên trang mua sắm công, biết Công ty Y có đủ hồ sơ năng lực và tài chính theo tiêu chí mời thầu của Sở Y tế đối với gói thầu 25 nên Huỳnh Tuấn A1 đã liên hệ với Lê Hữu L1 - Trưởng phòng kinh doanh TTBYT Công ty Y để thỏa thuận cùng tham gia dự thầu. Lê Hữu L1 và Huỳnh Tuấn A1 đã bàn bạc với nhau về việc Công ty Y có năng lực về tài chính, năng lực dự thầu nên sẽ đứng tên trên Hồ sơ dự thầu, Công ty T23 sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị hàng hóa. Tuy nhiên để tránh việc lộ thông tin nâng giá bán hàng với chênh lệch cao, giữa hai Công ty T23 và V3 không ký kết thỏa thuận liên doanh, liên kết dự thầu phù hợp pháp luật đấu thầu mà Công ty T23 sẽ mua hàng rồi bán lại cho Công ty Y với mức giá được nâng

lên so với giá mua vào, sau đó Công ty Y sẽ bán cho Sở Y tế tỉnh B với mức giá chênh lệch không cao so với giá mà Công ty Y đã ký hợp đồng mua bán với công ty T23. Nếu trúng thầu, Công ty Y sẽ được chia lợi nhuận khoảng từ 1,7 đến 1,8% trên tổng giá trị gói thầu, tương đương khoảng 683.640.000 đồng. Sau khi thống nhất, Công ty Y chuẩn bị Hồ sơ pháp nhân; hồ sơ năng lực (hợp đồng tương tự, các gói thầu đã thực hiện); hồ sơ tài chính (báo cáo tài chính, quyết toán thuế 03 năm gần nhất); danh sách kèm bằng cấp của kỹ sư, nhân sự theo yêu cầu hồ sơ dự thầu; cùng đơn dự thầu, bảo lãnh dự thầu. Công ty T23 chuẩn bị hồ sơ gồm: Bảng so sánh thông số kỹ thuật hàng hoá dự thầu, cam kết về hàng hoá (Giấy uỷ quyền bán hàng của nhà phân phối, catalogue, hình ảnh thiết bị, máy móc của nhà phân phối) để Công ty Y đưa vào E-HSDT. Trước, trong và sau khi dự thầu, Công ty Y không có TTBYT theo yêu cầu của E-HSMT. Các Giấy uỷ quyền bán hàng của nhà phân phối có trong E-HSDT do Huỳnh Tuấn A1 soạn theo mẫu yêu cầu của Chủ đầu tư và gửi file cho các doanh nghiệp cung cấp ký tên, đóng dấu và gửi lại cho Công ty Y để nộp vào hồ sơ dự thầu (E-HSDT). Theo nội dung trong Giấy uỷ quyền, các doanh nghiệp liên quan đã cam kết cung cấp hàng hóa cho Công ty Y để cung cấp cho chủ đầu tư. Tuy nhiên, sau khi trúng thầu, các doanh nghiệp này đã bán hàng cho Công ty T23 để Công ty T23 bán lại Công ty Y, không thực hiện cam kết của mình đã được ghi nhận trong các Giấy uỷ quyền trong E-HSDT, qua đó che dấu việc Huỳnh Tuấn A1 nâng giá bán các vật tư, trang thiết bị y tế lên nhiều lần. Cụ thể:

- Ngày 09/6/2021, Công ty T23 đã ký hợp đồng số 01/2021/HĐ/TA-VC với Công ty TNHH V7 (có mã số thuế 0101330999) với nội dung hợp đồng: cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất phòng mổ; tổng giá trị hợp đồng là 736.250.000 đồng. Ngày 15/6/2021, hai Công ty tiếp tục ký hợp đồng số 02/2021/HĐ/TA-VC với nội dung: cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất phòng mổ; tổng giá trị hợp đồng là 1.608.694.000 đồng.

- Ngày 23/6/2021, Công ty T23 đã ký hợp đồng kinh tế số 105/YN-TTA/21 với Công ty TNHH T31 (mã số thuế 0302940176), địa chỉ số B, Đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nội dung hợp đồng: mua bán cung cấp thiết bị Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 9 thông số; tổng giá trị hợp đồng là 586.000.000 đồng.

- Vào các ngày 24/6/2021 và 26/10/2021, Công ty T23 đã ký hợp đồng mua bán thiết bị số 782/MĐ-TTA/06.2021 và Phụ lục hợp đồng số 01 với Công ty TNHH T32 (mã số thuế 0313750882), địa chỉ số B Đường số F, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nội dung mua bán cung cấp thiết bị bàn mổ đa năng điện thủy lực kèm bộ phụ kiện phẫu thuật chấn thương chỉnh hình; tổng giá trị 02 hợp đồng nói trên là 1.015.000.000 đồng.

- Ngày 05/7/2021, Công ty T23 ký hợp đồng kinh tế số 74/2021/HĐKT/CTTA với Công ty TNHH D2 (mã số thuế 0309369554) địa chỉ Tầng C, F X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nội dung hợp đồng: mua bán cung cấp và lắp đặt thiết bị y tế gồm hệ thống phòng mổ tích hợp OR1

cao cấp, hệ thống phẫu thuật nội soi, mô đun liên kết giao tiếp điều khiển đèn mổ; giá trị hợp đồng là 11.786.000.000 đồng.

- Ngày 05/7/2021, Công ty T23 ký hợp đồng mua bán trang thiết bị y tế số 04121/TL-HCM với Công ty TNHH T33 (mã số thuế 0304902916), địa chỉ số A T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nội dung hợp đồng: mua bán, cung cấp thiết bị máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê; tổng giá trị hợp đồng là 645.000.000 đồng.

- Ngày 05/7/2021, Công ty T23 ký hợp đồng kinh tế số 01/2021/TTA-VM với Công ty TNHH V8 (mã số thuế 0100284958), địa chỉ số E P, phường H, quận H, Hà Nội; nội dung hợp đồng: mua bán cung cấp thiết bị Tủ âm Model IN30 cho Công ty T23; tổng giá trị hợp đồng là 23.400.000 đồng.

- Ngày 12/10/2021, Công ty T23 ký hợp đồng số 1210.2021/HĐKT/ĐP-TTA với Công ty TNHH T28 (mã số thuế 0314312352), địa chỉ số A T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nội dung hợp đồng: mua bán cung cấp Hệ thống C-Arm XQ kỹ thuật số; tổng giá trị hợp đồng là 1.601.250.000 đồng.

- Công ty TNHH M5, địa chỉ Tầng A, tháp B, Tòa nhà R số B N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Thư ủy quyền phân phối ngày 28/4/2021 (Công ty T23 ký hợp đồng là nhà phân phối các sản phẩm của Công ty TNHH M5). Theo nội dung ủy quyền, Công ty T23 phân phối Dao mổ điện cao tần, model VLFT10GEN và phụ kiện của Công ty TNHH M5. Hàng hoá mua bán theo Gói thầu số 25 do Công ty T23 phân phối uỷ quyền gồm: 01 Dao mổ điện cao tần (dùng trong môi trường nước, có hàn mạch, nội soi), model VLFT10GEN và 11 phụ kiện (có danh mục chi tiết kèm theo) với tổng giá trị là 551.745.778 đồng, chưa bao gồm 05% thuế VAT.

Tổng giá trị các Hợp đồng mà Công ty T23 mua hàng hóa là TTBYT cung cấp cho gói thầu 25 với các Doanh nghiệp là 18.551.939.778 đồng. Đến ngày 05/7/2021, Công ty T23 đã ký Hợp đồng số 0507/HĐKT/TTA-VDM/2021 về việc bán TTBYT của Gói thầu số 25 cho Công ty Y với giá trị là 37.296.360.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế GTGT). Trên cơ sở đó, Công ty Y đã ký các Hợp đồng mua bán, bàn giao thiết bị cho Sở Y tế tỉnh B và được thanh toán số tiền 36.081.000.000 đồng. Trong đó, Sở Y thanh toán chuyển khoản cho Công ty Y 35.752.990.909 đồng qua tài khoản số 118000190054 tại ngân hàng TMCP C5 chi nhánh 3 Thành phố H; và nộp thay cho Công ty Y 01% thuế GTGT, tương đương 328.009.091 đồng của khối lượng công việc hoàn thành, theo quy định tại khoản 5, Điều 13, Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ T30 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Số tiền này được trừ vào khoản chưa thanh toán là 1.899.000.000 đồng, tương đương 05% giá trị gói thầu, do dự án chưa được phê duyệt quyết toán hoàn thành. Sau khi nhận tiền thanh toán của Sở Y, Công ty Y đã chuyển khoản cho Công ty T23 tổng số tiền là 35.069.350.909 đồng qua tài khoản số 03101850901 tại Ngân hàng TMCP T34, giữ lại số tiền là 683.640.000 đồng

như thỏa thuận. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 2.227.009.091 đồng, tương đương 06% giá trị hợp đồng (do chủ đầu tư chưa thanh toán hết tiền cho Công ty Y).

Đại diện các doanh nghiệp bán hàng nói trên khai Huỳnh Tuấn A1 là người liên hệ mua hàng. Các Giấy ủy quyền bán hàng của nhà cung cấp do Tuấn A1 soạn thảo, gửi file cho nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Các doanh nghiệp không biết, không giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty Y. Nội dung Giấy ủy quyền cam kết cung cấp hàng hóa cho Công ty Y để cung cấp cho chủ đầu tư nhưng sau khi trúng thầu, các nhà cung cấp đã bán hàng cho Công ty T23 để bán lại cho Công ty Y, không bán hàng cho Công ty Y như cam kết.

Quá trình điều tra đến nay chưa thu được tài liệu chứng minh sự thông đồng giữa Huỳnh Tuấn A1 với các đơn vị tư vấn cũng như Trần Mạnh H và Phạm Minh A. Kiểm tra các khoản tiền trong sao kê tài khoản của Huỳnh Tuấn A1 và Nguyễn Thị Ngọc D (vợ Tuấn A1), Nguyễn Thị Việt D1 (Kế toán Công ty T23) không phát hiện khoản tiền nghi vấn chuyển cho các cá nhân tại Sở Y tế.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu được, đủ căn cứ xác định Huỳnh Tuấn A1 đã cấu kết với Lê Hữu L1, Tạ Quang T để đưa ra thông tin gian dối khi tham gia dự thầu đối với gói thầu số 25 do Sở Y làm chủ đầu tư, giúp cho Công ty Y đủ điều kiện tham gia dự thầu và trúng thầu. Từ đó Công ty T23 của Huỳnh Tuấn A1 và Công ty Y đã thu lợi bất chính số tiền 18.064.890.192 đồng, trong đó Công ty Y được chia số tiền 683.640.000 đồng, Công ty T23 được thụ hưởng số tiền 17.381.250.192 đồng. Do đó xác định Huỳnh Tuấn A1 đã có hành vi gian lận trong đấu thầu khi cùng với Công ty Y cung cấp thông tin không trung thực trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu đã vi phạm điểm c khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013. Căn cứ Kết luận định giá tài sản và hồ sơ thanh quyết toán gói thầu xác định được thiệt hại do các đối tượng gây ra là 18.064.890.192 đồng.

2. Đối với Tạ Quang T - Phó Tổng Giám đốc Công ty Y và Lê Hữu L1 - Trưởng phòng kinh doanh Công ty Y:

Sau khi trao đổi, thỏa thuận với Huỳnh Tuấn A1 về việc sẽ cùng nhau tham gia gói thầu số 25 theo cách thức như đã nêu trên, L1 đã báo cáo lại với Tạ Quang T - Phó Tổng giám đốc Công ty Y để xin chủ trương để tham gia dự thầu với cách thức Công ty Y có năng lực về tài chính, năng lực dự thầu nên sẽ đứng tên trên Hồ sơ dự thầu, Công ty T23 sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị hàng hóa. Công ty T23 sẽ mua hàng rồi bán lại cho Công ty Y với mức giá được nâng lên so với giá mua vào, sau đó Công ty Y sẽ bán cho Sở Y tế tỉnh B với mức giá chênh lệch không cao so với giá mà Công ty Y đã ký hợp đồng mua bán với công ty T23. Nếu trúng thầu, Công ty Y sẽ được chia lợi nhuận khoảng từ 1,7 đến 1,8% trên tổng giá trị gói thầu, tương đương khoảng 683.640.000 đồng. Tạ Quang T đã đồng ý chấp thuận với đề xuất của Lê Hữu L1 nói trên. Quá trình lập E-HSDT, Công ty Y chuẩn bị hồ sơ về pháp nhân, năng lực và tài chính... theo E-HSMT. Các hồ sơ cam kết về hàng hóa do Công ty T23 lập và cung cấp

cho Công ty Y để ký, đóng dấu và nộp tham gia dự thầu. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tham gia dự thầu đều do L1 lập và ký nháy để T ký và đóng dấu với tư cách là đại diện Công ty Y (theo Giấy ủy quyền số 31/UQ-VMD ngày 01/6/2021). Các Giấy ủy quyền bán hàng của nhà phân phối do Huỳnh Tuấn A1 liên hệ với các doanh nghiệp cung cấp hàng ký tên, đóng dấu và gửi lại cho Công ty Y để nộp trong E-HSDT. Công ty Y không liên hệ với các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa. Trong hồ sơ dự thầu thì các doanh nghiệp cung ứng hàng hóa đều cam kết cung cấp hàng hóa cho Công ty Y để qua đó cung cấp cho chủ đầu tư. Tuy nhiên, sau khi trúng thầu, các doanh nghiệp này đã cung cấp hàng hóa cho Công ty T23 để bán lại Công ty Y cung cấp cho chủ đầu tư nhằm hợp thức việc nâng giá hàng hóa lên nhiều lần.

Sau khi có kết quả trúng thầu, Trần Mạnh H đã liên hệ với Huỳnh Tuấn A1 để nhờ chuyển hồ sơ cho Công ty Y nhưng việc giao nhận, lắp đặt, vận hành chạy thử TTBYT đều do nhân viên Công ty T23 thực hiện.

Quá trình điều tra, L1 khai chỉ báo cáo miệng cho T biết về phương án kinh doanh Gói thầu số 25, không làm Tờ trình phương án kinh doanh để xin ý kiến Tổng giám đốc và HĐQT Công ty P2; Lễ ký tên trên Tờ trình phương án kinh doanh sau khi có chữ ký của T. Lễ chỉ báo cáo công việc cho T, không báo cáo công việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc bởi việc báo cáo Lãnh đạo Công ty Y do T thực hiện. T khai theo quyết định phân cấp ủy quyền số 674/2020/QĐ-VMD ngày 03/11/2020 của Công ty Y, việc kinh doanh TTBYT nói chung và Gói thầu số 25 do T chịu trách nhiệm thực hiện với tư cách Phó Tổng giám đốc. T đại diện Công ty Y ký toàn bộ hồ sơ dự thầu theo Giấy ủy quyền số 31/UQ-VMD ngày 01/6/2021. Tờ trình phương án kinh doanh Gói thầu số 25 do Lễ lập để T ký phê duyệt. Phòng K2 Tờ trình gửi ra Hà Nội để xin ý kiến Công ty và được ông Nguyễn Bá T15 (khởi kế hoạch nguồn vốn), bà Nguyễn Thị L5 (Chủ tịch Hội đồng quản trị), bà Trần Mỹ L4 (Tổng Giám đốc), ông Lê Xuân T13 (Phó Tổng Giám đốc Công ty Y) ký phê duyệt vào Tờ trình. Sau đó, Văn phòng Công ty tại Hà Nội gửi Tờ trình kèm theo Giấy ủy quyền số 31/UQ-VMD ngày 01/6/2021 (do bà Nguyễn Thị L5 ký) cho Văn phòng Công ty tại phía Nam qua đường bưu điện. T không có bản chính, chỉ có bản scan Tờ trình phương án kinh doanh. Ngoài việc ký Tờ trình phương án kinh doanh, T không báo cáo gì về nội dung Gói thầu số 25 cho bà Nguyễn Thị L5 và bà Trần Mỹ L4, là các Lãnh đạo của Công ty Y.

Quá trình điều tra đến nay chưa có chứng cứ chứng minh có sự thông đồng giữa Lê Hữu L1 và Tạ Quang T với các cá nhân liên quan tại Sở Y và các đơn vị tư vấn. Nhưng đủ chứng cứ chứng minh giữa Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1 và Tạ Quang T đã có hành vi gian dối khi tạo lập hồ sơ tham gia đấu thầu; sau khi trúng thầu không thực hiện đúng nội dung hồ sơ dự thầu mà ký hợp đồng qua bên thứ ba nhằm nâng giá trang thiết bị y tế để thu lợi bất chính, trong đó Công ty Y đã được chia số tiền 683.640.000 đồng. Hành vi nêu trên của Lê Hữu L1 và Tạ Quang T là hành vi gian lận trong đấu thầu khi cung cấp thông tin không trung thực trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn

nhà thầu đã vi phạm điểm c khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013. Căn cứ Kết luận định giá tài sản và hồ sơ thanh quyết toán gói thầu xác định được thiệt hại do các đối tượng gây ra là 18.064.890.192 đồng.

3. Đối với Đỗ Hữu H1:

Quá trình điều tra xác định được công ty TNHH T22 do Đỗ Hữu H1 là Giám đốc- người đại diện theo pháp luật nhưng thực chất ông Phạm Hồng X (Giám đốc Công ty TNHH T35) mới là chủ Công ty T22. Ông X là người thuê Đỗ Hữu H1 làm Giám đốc Công ty T22 và trả lương hàng tháng cho H1 cũng như các nhân viên khác thuộc công ty T22. Ông X là người quản lý tài khoản số 76010000251905 tại ngân hàng B4, tài khoản số 10003868 tại ngân hàng A3, tài khoản số 888242911 tại ngân hàng N4 của Công ty T22. Thời điểm năm 2020, khi biết Sở Y tế công bố mời thầu đối với gói thầu tư vấn, quản lý dự án Trang thiết bị bệnh viện đa khoa thành phố V (viết tắt là Dự án) trên mạng đấu thầu thì ông Phạm Hồng X chỉ đạo cho ông Phạm Văn T17 (thời điểm đó đang là Giám đốc của Công ty T35) chuẩn bị hồ sơ năng lực, hồ sơ dự thầu của Công ty T22 theo hồ sơ mời thầu và gửi hồ sơ dự thầu của Công ty T22 để tham gia đấu thầu gói thầu tư vấn quản lý dự án. Khi công ty T22 được Sở Y tế thông báo mời lên thương thảo hợp đồng, thì ông X giao cho Đỗ Hữu H1 (Giám đốc công ty T22) là người trực tiếp tham gia thương thảo Hợp đồng với Sở Y tế. Khi Công ty T22 được Sở Y tế thông báo trúng thầu, ông X giao cho Đỗ Hữu H1 đại diện công ty T22 ký kết và thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án với Sở Y tế.

Trong quá trình thực hiện tư vấn quản lý Gói thầu số B5, ngày 19/5/2021, Đỗ Hữu H1 nhận từ Trần Mạnh Hải các tài liệu là dự toán của Công ty T24, báo cáo thẩm tra của V4 và dự thảo Chứng thư thẩm định giá của Công ty T27 để nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ tư vấn. Nhưng cùng ngày 19/5/2021, H1 đã lập Tờ trình số 54/TTr-SH gửi Sở Y tế đề nghị phê duyệt cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu. Việc Công ty T22 lập Tờ trình số 54/TTr-SH ngày 19/5/2021 gửi Sở Y tế dựa trên Dự thảo chứng thư thẩm định giá là sai bởi theo quy định, chỉ có Chứng thư thẩm định giá chính thức mới có giá trị pháp lý làm căn cứ để lập tờ trình đề nghị phê duyệt dự toán gói thầu (trong phần căn cứ của Tờ trình số 54 cũng nêu rõ căn cứ Chứng thư thẩm định giá gói thầu số 25 Thiết bị cho phòng M4...). Đồng thời, H1 không kiểm tra các căn cứ pháp lý được nêu trong dự thảo Chứng thư thẩm định giá như Hợp đồng giao dịch thành công (dự thảo chứng thư sử dụng căn cứ hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị công trình số 34 của Ban Q2 về gói thầu số hai; số 34/2021 đã quá hạn 02 năm, sai quy định tại điểm c, điều 4 tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05 và thông tư số 126). Do có những sai phạm nêu trên nên việc ban hành Tờ trình số 54/TTr-SH ngày 19/5/2021 của Công ty T22 là không đúng quy định pháp luật, là căn cứ để Trần Mạnh H tham mưu cho Phạm Minh A ký Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021, phê duyệt cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu để tổ chức thực hiện gói thầu, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 18.064.890.192 đồng.

Quá trình thực hiện gói thầu tư vấn này, Đỗ Hữu H1 có B6 thực hiện công việc cho ông X biết nhưng không báo cáo bằng văn bản và cũng chỉ báo cáo tình hình chung, không báo chi tiết các công việc được thực hiện. Ông X cũng không chỉ đạo chi tiết, cụ thể các công việc liên quan đến quá trình tư vấn quản lý dự án do đã giao toàn bộ công việc Hữu H1 thực hiện. Đỗ Hữu H1 không báo cho X biết việc Công ty T22 căn cứ vào dự thảo Chứng thư thẩm định giá và bản dự thảo Báo cáo thẩm định giá của Công ty T27 để ban hành Tờ trình số 54/2021/TTr-SH ngày 19/5/2021 gửi Sở Y tế, đề nghị phê duyệt cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán TTBYT Gói thầu số 25.

Quá trình điều tra đến nay chưa thu được tài liệu chứng minh sự thông đồng giữa Đỗ Hữu H1 với cá nhân, tổ chức cũng như doanh nghiệp có liên quan. Do đó, xác định hành vi của Đỗ Hữu H1 là chưa thực hiện hết trách nhiệm được giao theo hợp đồng đã ký kết với Sở Y tế với vai trò quản lý việc thực hiện tất cả các hợp đồng mua sắm và lắp đặt thiết bị của các nhà thầu khác đã ký kết với chủ đầu tư; kiểm tra, xem xét đánh giá lại Hồ sơ kỹ thuật của dự án; giúp chủ đầu tư kiểm tra, giám sát, điều hành các nhà thầu, các nhà đầu tư vốn khác tham gia thực hiện dự án đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng...; xem xét, kiểm tra các tài liệu của các nhà thầu, các nhà tư vấn khác theo hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư để tham mưu cho Sở Y tế ký ban hành Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021 tổ chức thực hiện gói thầu, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 18.064.890.192 đồng.

4. Đối với Trần Mạnh H:

Quá trình điều tra xác định Trần Mạnh H được bổ nhiệm vào ngạch Chuyên viên Phòng Kế hoạch Tài chính từ ngày 31/12/2020 theo Quyết định số 519/QĐ-SYT của Sở Y. Theo Quyết định số 530/QĐ-SYT ngày 04/7/2019 của Sở Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế thì Phòng Kế hoạch tài chính có nhiệm vụ tham mưu, tổ chức đấu thầu mua sắm, kiểm soát chất lượng vật tư, hoá chất, TTBYT. Theo Bảng phân công trách nhiệm và quyền hạn của các chuyên viên Phòng Kế hoạch tài chính ngày 10/10/2019, H được giao nhiệm vụ tham mưu tổ chức thực hiện đấu thầu mua sắm, kiểm soát chất lượng vật tư, hoá chất, trang thiết bị y tế. Căn cứ quy định trên, đối với Dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V nói chung và Gói thầu số 25 nói riêng H được giao nhiệm vụ (giao bằng miệng) theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng đối với các đơn vị tư vấn đã ký với Sở Y đồng thời rà soát, kiểm tra các Văn bản của các đơn vị tư vấn trước khi trình Giám đốc Sở Y tế ký phê duyệt. Quá trình tham mưu tổ chức thực hiện Gói thầu số 25, ngày 19/5/2021, sau khi nhận được dự thảo Chứng thư thẩm định giá do Công ty T27 gửi qua E, Trần Mạnh H đã chuyển cho Đỗ Hữu H1 (Giám đốc Công ty T22) để xem xét lập Tờ trình theo quy định. Cùng ngày, Đỗ Hữu H1 ban hành Tờ trình số 54/TTr-SH ngày 19/5/2021 gửi Sở Y tế, đề nghị phê duyệt hồ sơ cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu. Khi nhận Tờ trình số 54/TTr-SH ngày 19/5/2021, dù biết Công ty T22 chỉ dựa vào dự thảo Chứng thư để ban hành Tờ trình là không đúng quy định nhưng Mạnh H không báo cáo cho ông Phạm

Minh A biết về những hạn chế thiếu sót để xin ý kiến mà tiếp tục căn cứ Tờ trình tham mưu cho Phạm Minh A ký ban hành Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021 về việc phê duyệt thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu. Sau khi Phạm Minh A ký Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021, khoảng 02 ngày sau H mới nhận được bản chính Báo cáo và Chứng thư thẩm định giá số 3859P/20/CER.VVALUES ngày 20/5/2021 của Công ty T27. Dù biết Báo cáo và Chứng thư thẩm định giá có nêu những hạn chế trong quá trình thẩm định giá và biết Bảng báo giá ghi tên Công ty N5 là căn cứ ban hành Chứng thư không có giá trị pháp lý nhưng không báo cáo cho Phạm Minh A biết những hạn chế thiếu sót để có biện pháp ngăn chặn hoặc sửa chữa kịp thời mà tiếp tục tham mưu cho Phạm Minh A tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu.

Trần Mạnh H khai có nhận được bản file PDF Chứng thư thẩm định giá số 3589P/20/CER.VVALUES có chữ ký và dấu mộc của Công ty T27 gửi qua địa chỉ email hoặc do bà Trần Thị Kim T8 - nhân viên Công ty T27 gửi qua ứng dụng Telegram của số điện thoại 0918.447.470 của Trần Mạnh H vào ngày 20/5/2021. Tuy nhiên, Trần Mạnh H không có tài liệu chứng minh do đã xóa email và tin nhắn Telegram này. Cơ quan điều tra đã kiểm tra hộp thư điện tử và ứng dụng Telegram của Mạnh H nhưng không tìm thấy tài liệu liên quan Chứng thư thẩm định giá do Công ty T27 hoặc bà Trần Thị Kim T8 gửi. Đồng thời ông Trần Quốc T7 (Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty T27) khai ngày 20/5/2021 không gửi file PDF Chứng thư thẩm định giá cho Mạnh H, ông T7 chỉ gửi bản chính chứng thư thẩm định giá cho Mạnh H qua dịch vụ chuyển phát nhanh tài liệu (gửi sau ngày ban hành khoảng 2-3 ngày); bà Trần Thị Kim T8 (nhân viên Công ty T27) khai ngày 20/5/2021 không gửi tin nhắn Telegram Chứng thư thẩm định giá cho Mạnh H. Kiểm tra hộp thư điện tử của ông T7 và ứng dụng Telegram của bà T8 xác định không có thư điện tử hoặc tin nhắn chứa nội dung tài liệu Chứng thư thẩm định giá gửi cho Mạnh H.

Cơ quan điều tra cũng tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tiền chuyên đi và đến tài khoản Ngân hàng của Trần Mạnh H và Huỳnh Thị C (vợ H), nhưng chưa phát hiện giao dịch với các đối tượng liên quan của Công ty T23. Đồng thời, kết quả điều tra chưa thu được tài liệu chứng minh sự thông đồng của Mạnh H với Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1 và Tạ Quang T; chưa thu được tài liệu chứng minh động cơ mục đích vụ lợi của Mạnh H. Do đó, xác định Trần Mạnh H đã có hành vi không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ khi tham mưu, báo cáo cho Phạm Minh A ký ban hành Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021 để tổ chức thực hiện gói thầu, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 18.064.890.192 đồng.

5. Đối với Phạm Minh A:

Kết quả điều tra xác định: Dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V thuộc nhóm B (có vốn đầu tư 463.860.000.000 đồng, dưới 800 tỷ đồng) nên được thực hiện theo khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019. Điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày

06/4/2020 quy định: Chủ tịch UBND tỉnh có quyền giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án. Do đó, ngày 10/11/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh B có Công văn số 460/HĐND-VP về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án TTBYT bệnh viện đa khoa thành phố V trong đó có nội dung thống nhất Chủ đầu tư là Sở Y tế. Ngày 24/3/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án “Trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa thành phố V” trong đó xác định Chủ đầu tư là Sở Y tế tỉnh B. Tại tiểu mục 12 của Điều 1 Quyết định 617 nêu trên yêu cầu Chủ đầu tư cần thực hiện: “thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực chuyên môn thẩm tra thiết kế kỹ thuật – dự toán và thẩm định giá thiết bị cho dự án Trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa thành phố V”.

Sở Y tế tỉnh B căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2019 (*"Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công"*) và quy định tại khoản 16 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2019 (*"Hoạt động đầu tư công bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công"*) để thực hiện các công việc với vai trò là Chủ đầu tư dự án. Theo các quy định nêu trên, Sở Y tế có thẩm quyền lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình UBND tỉnh phê duyệt; thuê các đơn vị tư vấn quản lý dự án, lập thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán; tư vấn thẩm tra cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán; tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn giám sát; tư vấn kiểm toán độc lập. Trên cơ sở Tờ trình của các đơn vị tư vấn, Sở Y phê duyệt E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán và thanh lý hợp đồng; trình phê duyệt quyết toán dự án cho Sở Tài chính để tham mưu cho UBND tỉnh quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành. Sau khi có Quyết định phê duyệt quyết toán thì Sở Y thanh toán những khoản nợ còn lại cho nhà thầu.

Dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V được thiết kế 02 bước, theo khoản 2 Điều 29 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: *"....Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán"*. Do đó, Sở Y tế có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật và dự toán của từng gói thầu. Trên cơ sở nguồn vốn đã bố trí, sau khi tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện gói thầu, Sở Y tế tiến hành ký hợp đồng, tạm ứng và thanh toán theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng.

Phạm Minh A được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở Y tế theo Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 và Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 (Bổ nhiệm lại) của UBND tỉnh B. Theo khoản 1 Điều 3 Quy chế làm

việc của Sở Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-SYT ngày 07/10/2019 của Sở Y tế tỉnh B quy định về trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Giám đốc Sở: “là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn diện Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y1 và Bộ N6 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phòng y tế thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế”.

Khi tổ chức thực hiện Gói thầu số 25, Phạm Minh A đã căn cứ vào khoản 2 Điều 25 Quy chế làm việc của Sở Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-SYT ngày 07/10/2019: “*Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ chịu trách nhiệm về nội dung, thể thức.... văn bản do phòng tham mưu. Đối với văn bản giấy phải có chữ ký “nháy” của T18 hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách lĩnh vực phân công (trừ những văn bản Lãnh đạo Sở giao trực tiếp chuyên viên tham mưu)*” do chính Phạm Minh An ký ban hành đề giao cho Trần Mạnh H tham mưu tổ chức thực hiện gói thầu; không qua Phòng, Ban chuyên môn. Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế làm việc do Sở Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-SYT ngày 07/10/2019 không đúng với nội dung của quy chế làm việc mẫu do UBND tỉnh B hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 18 Quyết định số 77/2008/QĐ-UBND ngày 19/12/2008 về việc ban hành quy chế làm việc mẫu của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh (Công văn, tờ trình hoặc phiếu đề xuất phải do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Sở và Trưởng phòng chuyên môn có ý kiến, ký và đóng dấu (nếu có) đúng thẩm quyền).

Quá trình thực hiện Gói thầu số 25 và các gói thầu còn lại của Dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V, Phạm Minh A đã giao cho cá nhân Trần Mạnh H trực tiếp tham mưu cho A quyết định từ công việc mời thầu, lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán và thanh lý hợp đồng (BL 344-346, BL 521-524). Việc giao nhiệm vụ cho H không có quyết định, không được thông qua Tập thể Lãnh đạo và Ban Thường vụ Đảng ủy Sở Y tế là trái với quy chế làm việc mẫu do UBND tỉnh B hướng dẫn. Phạm Minh A chỉ thông báo chung trong các cuộc họp giao ban với P1, B2 và các cơ sở về việc Sở Y tế đang tổ chức thực hiện dự án TTBYT Bệnh viện đa khoa thành phố V. Còn nội dung công việc cụ thể liên quan đến gói thầu thì không tổ chức các cuộc họp riêng với tập thể Ban Giám đốc và Ban Thường vụ Đảng ủy Sở Y tế. Bên cạnh đó, Theo Điều 3, Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021 về việc phê duyệt thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán thiết bị Gói thầu số 25 quy định “Trưởng phòng kế hoạch Tài chính - Sở Y và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này” nhưng sau khi Quyết định này được ban hành, Phạm Minh

A chỉ giao cho Trần Mạnh H tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu đối với Gói thầu số 25, không giao cho ông Nguyễn Viết Đ1 - Trưởng phòng kế hoạch tài chính để thực hiện như trong Điều 3 Quyết định này là trái quy định.

Kết quả điều tra xác định trong quá trình tổ chức thực hiện Gói thầu số 25, do tin tưởng vào sự tham mưu của Trần Mạnh H nên Phạm Minh A không kiểm tra các tài liệu kèm theo để biết tờ trình của Công ty T22 đã được lập dựa trên bản dự thảo Chứng thư thẩm định giá của Công ty T27. Mặt khác, việc lựa chọn các Nhà thầu tư vấn và thẩm định giá thiết bị không đảm bảo năng lực của Sở Y đã gián tiếp tạo ra các Dự thảo Chứng thư thẩm định giá không đúng, phải thay đổi; tạo ra các Tờ trình không đảm bảo căn cứ pháp lý từ đó Phạm Minh A đã ký Quyết định số 437/QĐ-SYT ngày 20/5/2021 phê duyệt thiết kế cấu hình, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu không đảm bảo căn cứ pháp lý và phù hợp thực tế giá trang thiết bị y tế tại thời điểm. Rồi từ đó, Sở Y đã tổ chức đấu thầu với giá dự toán là 38,5 tỷ đồng, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền 18.064.890.192 đồng. Do đó, đủ căn cứ xác định Phạm Minh A chưa làm hết trách nhiệm được giao trong quá trình thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư theo các Quyết định số 617 của UBND tỉnh và Quyết định số 437 nêu trên cũng như Quy chế làm việc của Sở Y tế tỉnh B. Quá trình điều tra chưa thu được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự thông đồng của A với Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1 và Tạ Quang T; chưa thu được tài liệu chứng minh động cơ mục đích vụ lợi.

* Về việc thu giữ băng kê các cuộc gọi và tin nhắn điện thoại của cá nhân liên quan:

Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi các doanh nghiệp viễn thông đề nghị cung cấp nhưng chỉ thu giữ được dữ liệu trong thời gian từ 01/6/2022 đến nay, thời gian từ trước ngày 01/6/2022 không thu giữ được.

Về việc kiểm tra thông tin, tài liệu từ các tin nhắn điện thoại, Z, T19 và E còn lưu giữ trên điện thoại của Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1 và Tạ Quang T: kết quả không thu được thông tin, tài liệu liên quan đến việc trao đổi, thông thầu giữa 03 bị cáo với cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp liên quan.

Cơ quan điều tra đã đề nghị PC09 Công an tỉnh trích xuất, thu giữ thông tin, tài liệu trong các thiết bị được Cơ quan điều tra tạm giữ của 03 bị cáo trong quá trình khám xét nhưng không thu được thông tin, tài liệu liên quan đến việc trao đổi thông thầu giữa 03 bị cáo với các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp liên quan tham gia Gói thầu số 25.

* Việc khắc phục hậu quả của vụ án:

+ Ngày 18/4/2023, bà Trần Mỹ L4 - Tổng Giám đốc Công ty Y đã nộp lại số tiền 683.640.000 đồng trực lợi từ việc tham gia gói thầu.

+ Ngày 01/12/2023, ngày 14/12/2023, ngày 18/12/2023, ngày 08/5/2024, và 15/7/2024, Huỳnh Tuấn A1 và Lê Nguyễn Như N2 đã nộp tổng cộng 1.200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

+ Ngày 16/5/2024, Phạm Minh A đã nộp 200 triệu đồng để khắc phục hậu quả.

+ Ngày 15/7/2024, bà Trương Thị T2 (vợ của Đỗ Hữu H1) đã nộp 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

+ Ngày 05/9/2024, bà Lê Thị M (vợ của Tạ Quang T) đã nộp 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

+ Ngày 28/11/2025 Lê Hữu L1 nộp 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tổng số tiền khắc phục hậu quả đến nay là 2.213.640.000 đồng.

* Việc kê biên tài sản và tạm ngưng giao dịch về đất đai:

Ngày 29/5/2024, Cơ quan điều tra đã kê biên căn nhà tại số E Đường số D, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 14, diện tích 96,2m², địa chỉ Lô B khu nhà ở T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 618230 do U cấp ngày 20/8/2015 cho Huỳnh Tuấn A1 và Nguyễn Thị Ngọc D.

Ngày 07/5/2024, Cơ quan điều tra đã gửi các Văn bản số 1002,1003,1004/CSKT-Đ4 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, thành phố B và huyện C, đề nghị tạm ngưng giao dịch đối với 11 nhà, đất đứng tên vợ chồng Phạm Minh A và vợ chồng Trần Mạnh H.

* Việc tạm giữ đồ vật tài liệu, xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ:

+ Thu giữ của Tạ Quang T: 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX, có số imei 353121100840435, số seri: F2LZ66ETKPH6 và 01 (một) Máy tính xách tay hiệu Dell Inspirion 7460 màu đồng, Computer name: DESKTOP-K41F1RV, tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng và chất lượng bên trong.

+ Thu giữ của Đỗ Hữu H1: 01 (một) Máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Vostro 5502, số Product ID: 00327-35913-87809-AAOEM; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51, số seri RF8NC0Y47EH, số IMEI 1: 353544562936336, số IMEI 2: 353914472936330 tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng và chất lượng bên trong.

+ Thu giữ của Trần Mạnh H: 01 (một) Máy tính xách tay hiệu MacBook Pro; serial number X4H50Q507D; màu xám; Memory: 16GB; 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone SE; số máy MX9R2J/A; số Sê-ri: FFXD1PYVPLJQ; dung lượng 64GB, màu đen; 01 (một) Điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen; Imei 350618542601799; model: TA-1203; 01 (một) Thiết bị lưu trữ dữ liệu di động màu đen; hiệu S1; loại Portable SSD T9; dung lượng 1 TB; model MU-PG1T0B; 01 (một) Đầu thu Camera nhãn hiệu BOSCH, màu đen; loại DVR-

650-08A; Số S-ri: 404556610302030177. Tất cả đồ vật thu giữ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng và chất lượng bên trong.

- Số tiền 2.213.640.000 đồng thu giữ từ các bị cáo và người liên quan trong việc khắc phục hậu quả vụ án.

Các vật chứng, tài sản nêu trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

* Vấn đề có liên quan trong vụ án:

Vấn đề xác định thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh đã nêu những mặt hạn chế như sau: Các tài sản cần thẩm định giá là tài sản đặc thù, có tính chất đặc biệt (hàng hóa, vật tư y tế nhập khẩu, không phải là hàng hóa thông dụng, phổ biến trên thị trường); thời điểm yêu cầu thẩm định giá trong quá khứ (tháng 5 năm 2021); trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp; việc ước tính giá trị tài sản dựa trên cơ sở hồ sơ do cơ quan cảnh sát điều tra cung cấp cho Hội đồng định giá và đơn vị tư vấn, chỉ ghi nhận các khoản chi phí có chứng từ, hóa đơn hợp lý, hợp lệ kèm theo, không ghi nhận đầy đủ các khoản chi phí có thể phát sinh trên thực tế từ khâu nhập khẩu đến người sử dụng. Với các hạn chế như vậy, giá trị tài sản chưa thể phản ánh đầy đủ chi phí phát sinh trên thực tế. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh yêu cầu điều tra bổ sung, làm rõ những hạn chế nêu trên. Kết quả điều tra bổ sung xác định:

Đối với các khoản chi phí phát sinh thực tế trong quá trình thực hiện Gói thầu số 25 của Công ty Y và Công ty T23 thì Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Công ty T36 xác định: căn cứ các Tiêu chuẩn thẩm định giá của Bộ T30, hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ T30 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ, Hội đồng định giá và Công ty T36 xác định giá trị tài sản theo phương pháp chi phí dựa trên giá mua hàng hoá theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu kèm theo các chi phí liên quan, G1 mua hàng hoá trong nước kèm theo các chi phí liên quan nhưng các hàng hoá, chi phí này phải có hoá đơn, chứng từ hợp lệ.

Đối với việc xác định các chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, tỷ lệ lợi nhuận/giá vốn: căn cứ theo quy định tại điểm d Mục 6.1 Tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 27/4/2021 của Bộ trưởng Bộ T30, Công ty T36 đã lấy giá trị trung bình của 05 doanh nghiệp tương đồng về lĩnh vực kinh doanh thiết bị y tế được niêm yết trên sàn chứng khoán để xác định các chi phí nêu trên.

Đối với chi phí liên quan đến phần mềm điều khiển hệ thống máy móc Gói thầu số 25: do các tài liệu được dùng làm căn cứ thẩm định giá không nêu có bao gồm phần mềm tích hợp hay không và hệ thống phần mềm cũng không có trong Hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty T23 với Công ty Y, Hợp đồng kinh

tế giữa Công ty Y và Sở Y tế tỉnh B. Bảng kê chi phí hàng hóa của đơn vị nhập khẩu chỉ thể hiện các loại chi phí nhập khẩu theo tờ khai hải quan, các chi phí liên quan khác đến khâu nhập khẩu và lắp đặt thiết bị,... không thể hiện chi phí phần mềm. Do đó, Hội đồng định giá và công ty T36 không có cơ sở để xác định riêng chi phí phần mềm (nếu có) của hệ thống.

Tại phụ lục số 04 (*Bảng tổng hợp chi phí khác của tài sản thẩm định*) trong Chứng thư thẩm định giá, Công ty T36 đã tổng hợp các hóa đơn chi phí khác liên quan đến việc vận chuyển, lắp đặt thiết bị tại nơi sử dụng, các khoản chi phí này được tổng hợp từ các hóa đơn chứng từ của nhà thầu, được cung cấp bởi Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự. Ngoài ra một số tài sản, hạng mục cần thẩm định giá không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản chi phí trên nên công ty T36 không có cơ sở để tập hợp các khoản chi phí này để ước tính giá trị tài sản. Do đó, Hội đồng định giá và công ty T36 chỉ ghi nhận các khoản chi phí có chứng từ, hóa đơn hợp lý, hợp lệ kèm theo.

Đối với Công ty Y: Do công ty Y chỉ đứng tên pháp nhân tham gia dự thầu Gói thầu số 25 nên không phát sinh chi phí khi thực hiện Gói thầu số 25. Toàn bộ công việc mua thiết bị, thi công, lắp đặt, vận hành, chạy thử 08 hệ thống thiết bị Gói thầu số 25 đều do công ty T23 thực hiện.

Đối với Công ty T23, Huỳnh Tuấn A1 khai quá trình thực hiện Gói thầu số 25 có các chi phí phát sinh nhưng do trong năm 2021 Công ty T23 thực hiện nhiều gói thầu trong đó có Gói thầu số 25 nên không thể tách riêng chi phí thực hiện riêng lẻ từng gói thầu. Công ty T23 căn cứ vào tỷ lệ phần trăm chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính so với doanh thu trong Báo cáo tài chính năm 2021 để tính ra tỷ lệ phần trăm áp dụng các chi phí thực hiện Gói thầu số 25, cụ thể:

1. Chi phí quản lý doanh nghiệp (lương của cán bộ quản lý, lệ phí môn bài, cước điện thoại, tiền xăng, photo hồ sơ thầu, phí bảo lãnh các loại, phí ngân hàng, đồ dùng văn phòng): là 680.235.736 đồng;

2. Chi phí bán hàng (lương nhân viên, chi phí tiếp khách, chi phí công tác, vé máy bay đi lại, lưu trú, hộp hành, tài trợ, vận chuyển): là 5.395.828.261 đồng;

3. Chi phí tài chính (tiền lãi vay) năm 2021 là 70.857.889 đồng.

4. Giá vốn hàng bán là giá trị hàng hoá xuất kho tương ứng với số lượng hàng bán ra cả năm (bao gồm giá mua trên hoá đơn, chi phí phần mềm thiết bị riêng biệt, chi phí phần mềm hệ thống liên kết quản lý nhóm thiết bị, chi phí cân chỉnh, hàng hoá dùng cho việc chạy thử, kiểm tra máy, đào tạo kỹ thuật)

+ Chi phí mua hàng hoá đầu (08 hệ thống máy móc Gói thầu số 25) 17.399.831.974 đồng (chưa bao gồm thuế VAT)

+ Chi phí khác trong giá vốn: là các chi phí phát sinh thực tế khi tiến hành lắp đặt hệ thống phòng mổ gồm: chi phí tháo dỡ, cải tạo phòng mổ (tháo dỡ những hạng mục không đạt tiêu chuẩn, không phù hợp, cải tạo lại phần xây dựng thô của phòng); chi phí phần mềm điều khiển từng máy và toàn hệ thống

phòng mổ, chi phí cân chỉnh máy móc để chạy thử, chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì, chiếm tỷ lệ 15,94% của doanh thu 35.428.944.589 đồng là 5.647.373.767 đồng.

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp là 1.246.963.392 đồng.

Căn cứ kết quả điều tra và các tài liệu chứng cứ thu được, trong 05 mục chi phí của Huỳnh Tuấn A1 trình bày, Cơ quan điều tra xác định 04 loại chi phí không có căn cứ gồm: chi phí quản lý doanh nghiệp (680.235.736 đồng); chi phí bán hàng (5.395.828.261 đồng); chi phí tài chính (70.857.889 đồng); thuế thu nhập doanh nghiệp (1.246.963.392 đồng). Lý do: các chi phí trên là chi phí hoạt động kinh doanh của công ty T23, không được nêu trong Hợp đồng kinh tế, Biên bản bàn giao nghiệm thu đã ký giữa công ty T23 với công ty Y, hợp đồng giữa công ty Y và Sở Y tế tỉnh B. Đồng thời, 04 loại chi phí này đã được Hội đồng định giá và Công ty T36 tính trong Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 19/01/2024 (bằng giá trị trung bình của 05 doanh nghiệp tương đồng về lĩnh vực kinh doanh thiết bị y tế được niêm yết trên sàn chứng khoán).

Còn lại có 01 chi phí do Huỳnh Tuấn A1 trình bày được ghi nhận trong Hợp đồng kinh tế, Biên bản bàn giao nghiệm thu giữa công ty T23 và công ty Y, giữa công ty Y và Sở Y tế tỉnh B và là chi phí phát sinh trên thực tế trong quá trình thi công lắp đặt phòng mổ H, cụ thể các căn cứ sau: (i) Hợp đồng giữa công ty T23 và công ty Y; công ty Y và Sở Y tế tỉnh B có thể hiện mục chi phí lắp đặt, cân chỉnh, kiểm tra máy móc để chạy thử; đào tạo hướng dẫn cho nhân viên bệnh viện cách sử dụng từng máy móc và toàn bộ hệ thống; bảo trì, bảo hành khi máy móc bị hư hỏng (Điều 7: vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá, Điều 8: Bảo quyền và bảo hiểm hàng hoá; Điều 9: Bảo hành, Điều 10: Nội dung tập huấn và chuyển giao); (ii) Biên bản hiện trường thống nhất phương án triển khai Gói thầu số 25 ký ngày 09/12/2021 có thể hiện các chi phí tháo dỡ, cải tạo phòng mổ (theo tiêu chuẩn cũ) để tiến hành lắp đặt vách, trần, sàn, hoàn thiện lại các hạng mục đã cải tạo, tháo dỡ để lắp đặt phòng mổ H9; (iii) các Biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử máy móc Gói thầu số 25, kết quả làm việc với Bệnh viện V về quá trình thi công phòng mổ H9 cho thấy thực tế quá trình thi công lắp đặt phòng mổ Hybrid tại Bệnh viện V có phát sinh chi phí cài đặt phần mềm tích hợp điều khiển, chi phí phần mềm liên kết và đồng bộ các thiết bị với nhau thành hệ thống hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng. Đây là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt phòng mổ Hybrid tại Bệnh viện V như: chi phí tháo dỡ, cải tạo phòng mổ (tháo dỡ những hạng mục không đạt tiêu chuẩn, không phù hợp, cải tạo lại phần xây dựng thô của phòng mổ); chi phí phần mềm điều khiển từng máy và toàn bộ hệ thống phòng mổ; chi phí thi công liên kết và đồng bộ các thiết bị với nhau thành hệ thống hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng, chi phí cân chỉnh máy móc để chạy thử, chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng, bảo hành, bảo trì. Theo báo cáo tài chính của Công ty T23 năm 2021, chi phí này chiếm tỷ lệ 15,94% doanh thu Gói thầu số 25 (35.428.944.589 đồng) là 5.647.373.767 đồng. Tuy nhiên, các chi phí này chưa được Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự và Công ty T36 xác định trong Kết luận định giá tài sản do

không có hoá đơn, chứng từ nên Viện kiểm sát nhân dân T20 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định khi xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSBRVT-P1 ngày 23/12/2024, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố các bị cáo:

- Phạm Minh A, Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1 về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 222 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 760/2025/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ khoản 3 Điều 222; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tuấn A1 08 (tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Căn cứ khoản 3 Điều 222; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Tạ Quang T 07 (bảy) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến ngày 29/5/2025.

1.3. Căn cứ khoản 3 Điều 222; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu L1 07 (bảy) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b,s,v,x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh A 05 (năm) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.5. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Mạnh H 04 (bốn) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2024.

1.6. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Hữu H1 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 03/12/2025, bị cáo Huỳnh Tuấn A1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị xem xét xác định lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo chịu trách nhiệm trong phạm vi số tiền 2.760.844.478 đồng.

- Ngày 03/12/2025, bị cáo Lê Hữu L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 10/12/2025, bị cáo Tạ Quang T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội.

- Ngày 09/12/2025, bị cáo Trần Mạnh H kháng cáo kêu oan.

- Ngày 08/12/2025, ngày 12/12/2025, bị cáo Phạm Minh A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xem xét cho bị cáo hưởng án treo hoặc mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

- Ngày 18/12/2025, Bị hại – Sở Y tế Thành phố H có văn bản số 8725/SYT-TCCB, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Minh A.

- Ngày 17/12/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-P3, kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định thiệt hại do các bị cáo gây ra là 18.064.890.192 đồng; T21 mức hình phạt tù đối với 05 bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T, Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi:

1.1. Bị cáo Huỳnh Tuấn A1 và người bào chữa cho bị cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và xin xem xét lại cho bị cáo giá trị thiệt hại thực tế. Trước phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tuấn A1 đã nộp toàn bộ số tiền theo Bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Tổng số tiền bị cáo đã nộp khắc phục cho vụ án này là hơn 11 tỷ đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Thiệt hại theo kết luận định giá số 15 là không đúng, không chính xác, vì giá không phù hợp thị trường, cách định giá thì rời rạc, biên bản định giá đã bỏ sót một số hạng mục, bỏ sót phần mềm các thiết bị có giá trị rất lớn gần 10 tỷ đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua; không định giá chi phí bảo hành bảo dưỡng mà công ty T23 đã cung cấp cho chủ đầu

tư. Vậy tổng thiệt hại nếu có chỉ khoảng 2,7 tỷ - 2,8 tỷ đồng. Bản án sơ thẩm đánh giá thiệt hại hơn 10 tỷ đồng để quy kết mức án cho bị cáo là nặng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thiệt hại thực tế.

1.2. Bị cáo Lê Hữu L1 và người bào chữa cho bị cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin giảm hình phạt vì mức hình phạt sơ thẩm là nghiêm khắc, bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo, trước phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nộp khắc phục thêm 50 triệu đồng.

1.3. Bị cáo Tạ Quang T và người bào chữa cho bị cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, được hưởng án treo hoặc cải tạo ngoài xã hội, tại thời điểm này việc tăng hình phạt đối với bị cáo là không cần thiết vì bị cáo đang bị bệnh, không thể tự ăn uống, không thể tự sinh hoạt và không di chuyển được.

1.4. Bị cáo Trần Mạnh H và người bào chữa cho bị cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì bị cáo làm đúng quy định pháp luật về đầu tư công, đã có văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận là đúng quy định pháp luật. Về vấn đề giá thì tại thời điểm Sở Y tế thấp hơn giá được thẩm tra là không có giá nào thấp hơn giá đó. Kết quả định giá số 15 là thiếu nhiều chi phí, trong khi theo quy định luật đầu tư công thì phải xác định 2 vấn đề đồng thời, theo luật đấu thầu thì đơn vị đấu thầu phải đáp ứng 02 yêu cầu về kỹ thuật và về giá.

1.5. Bị cáo Đỗ Hữu H1 trình bày: Bị cáo đã bị tạm giam hơn 02 năm là quá nặng nề, bị cáo có làm tờ trình 19-20 thì giá trị không thay đổi theo hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp. Bị cáo chấp nhận mức án mà sơ thẩm đã tuyên xử, để sớm thi hành án, xin Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận quyết định kháng nghị và giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

1.6. Bị hại – Sở Y tế Thành phố H có người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T6 trình bày: Sở y tế giữ nguyên nội dung đã nêu trong văn bản 8725/SYT-TCCB ngày 18/12/2025.

2. Phần tranh luận:

2.1. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Bản án sơ thẩm xác định thiệt hại là có căn cứ. Do đó, Viện kiểm sát rút kháng nghị về phần xác định thiệt hại hơn 18 tỷ đồng.

Về phần kháng nghị tăng hình phạt: Viện kiểm sát rút kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T; Giữ nguyên kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1.

Đối với bị cáo Tuấn A1: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tuấn A1 cung cấp biên lai nộp tiền thể hiện toàn bộ số tiền theo Bản án sơ thẩm, bị cáo Tuấn A1 đã nộp đủ toàn bộ, đây là tình tiết giảm nhẹ mới đối với các bị cáo bị xét xử về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Do thiệt hại

đã được khắc phục toàn bộ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T.

Đối với bị cáo Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1: Quá trình điều tra đã xác định hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định bị cáo A có vai trò cao hơn 02 bị cáo còn lại là không đúng, vai trò cao nhất là bị cáo Mạnh H, tiếp theo là bị cáo Hữu H1, bị cáo An giữ vai trò thấp nhất trong 03 bị cáo bị xét xử về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Ngoài ra, Sở Y tế Thành phố H có văn bản xin giảm hình phạt cho bị cáo A. Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo Mạnh H từ 06 năm -7 năm tù; bị cáo Hữu H1 từ 05 năm - 06 năm tù; bị cáo từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù.

2.2. Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tuấn A1 trình bày:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng nghị liên quan đến bị cáo Tuấn A1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Tuấn A1.

Ngoài ra, bị cáo Tuấn A1 có kháng cáo xin xem xét lại giá trị thực tế thì gói thầu 25 có giá thấp nhất so với các cơ sở y tế khác trên cả nước, chỉ bằng 50% giá trị khu vực phía Bắc, 70% giá trị đối với các cơ sở y tế ở khu vực phía Nam. Khi lập dự toán gói thầu, sở y tế tỉnh B đã thực hiện nhiều bước, không có tài liệu thể hiện bị cáo Tuấn A1 thông thầu, thông tin mở thầu của sở Y phát trên cổng thông tin đấu thầu quốc gia. Công ty Y trúng thầu, công ty T23 bán thầu, quá trình thi công đúng chuẩn đạt chuẩn, hiện nay phòng mổ đang vận hành rất tốt.

Về Kết luận định giá số 15: Quá trình giải quyết vụ án, đã xác định thiệt hại là hơn 10 tỷ đồng, do trừ đi phần chi phí đầu tư xây dựng phòng mổ hơn 5,6 tỷ đồng, nhưng chưa trừ những khoản chi phí khác là phần mềm connect các thiết bị, sở y tế đầu thầu cả phòng mổ nhưng định giá lại định giá từng thiết bị rời rạc, phi thi trường. Công ty T23 khẳng định có giá trị phần mềm và đào tạo nhân viên y tế vận hành phòng mổ, chi phí bảo trì bảo dưỡng; chi phí thi công trong mùa dịch. Nếu trừ các chi phí này thì số tiền lợi nhuận còn lại của công ty T23 khoảng 2,7 tỷ - 2,8 tỷ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kết luận 15 và trừ các chi phí công ty T23 đã bỏ ra.

Bị cáo Tuấn A1 không phải là đơn vị trực tiếp tham gia đấu thầu, công ty Y mua thiết bị của công ty T37 để dự thầu, nên bị cáo Tuấn A1 điền vào các giấy ủy quyền để Vimedimex dự thầu. Sau khi trúng thầu toàn bộ nội dung giấy ủy quyền được thực hiện đúng như cam kết của nhà cung cấp. Bị cáo bị quy kết có phạm tội do có hành vi này, nên xin Hội đồng xét xử xem xét lại vai trò tính chất mức độ hành vi phạm tội

Do bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền khắc phục nên việc kê biên tài sản của bị cáo là không cần thiết, đề nghị xóa kê biên đối với căn nhà của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới, Nghị quyết và tinh thần các vụ

án tương tự, giảm nhẹ hình phạt đặc biệt cho bị cáo, áp dụng Điều 54, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới 03 năm, cho hưởng án treo.

2.3. Người bào chữa bị cáo Lê Hữu L1 trình bày:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo L1 tự nguyện nộp thêm 50 triệu đồng, hiện nay toàn bộ hậu quả vụ án đã được khắc phục, bản thân bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo, có nhiều bệnh ảnh hưởng đến khả năng tự sinh hoạt, bản thân bị cáo cần người chăm sóc, hiện tại bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L1.

2.4. Người bào chữa bị cáo Tạ Quang T trình bày:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát đã rút kháng nghị đối với bị cáo T và đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với kháng cáo của bị cáo: Tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định áp dụng cho bị cáo. Hiện nay thiệt hại vụ án đã được khắc phục triệt để, xin áp dụng Nghị quyết 68-NQ/TW giảm hình phạt tối đa cho các bị cáo trong vụ án, tại thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo T không còn khả năng tự đi lại, ăn uống, tự sinh hoạt, không còn nguy hiểm cho xã hội nên việc cách ly bị cáo khỏi xã hội là không cần thiết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt và xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian đã tạm giam bị cáo, để thể hiện tính nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

2.5. Người bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh H trình bày:

Hành vi của bị cáo H trong vụ án này là bị cáo biết bảng báo giá của công ty N5 không có giá trị pháp lý nhưng vẫn chấp nhận. Tuy nhiên, theo bị cáo thì bị cáo không có trách nhiệm trong vấn đề này. Theo quy định pháp luật thì sở Y và bị cáo H không có trách nhiệm liên quan đến Tờ trình 54 của công ty T22 theo điểm d khoản 2 Điều 34 Luật đấu thầu. Vì đây là mua sắm dự án không bắt buộc phải có việc thẩm định lại nên việc thuê công ty T22 thẩm tra lại dự án này là không cần thiết. Việc sở Y thuê đơn vị thẩm định lại là do thận trọng, không có trách nhiệm của sở y tế, nếu có trách nhiệm thì là của công ty T22. Văn bản báo giá của công ty N5 thì phải có thiết kế dự án là do công ty T24 thực hiện, khi có chữ ký của ông Trịnh B3 – công ty T24 là người có uy tín trong việc thiết kế cho các bệnh viện cả nước thì việc thiết kế gần như đảm bảo, hiện nay dự án này vẫn vận hành hoạt động bình thường, giá của các phòng mổ Hybrid khác đều cao hơn giá phòng mổ trong dự án này, đây là giá thấp nhất. Việc dùng phương pháp phi thị trường và không các chi phí cho việc thực hiện dự án để kết luận giá trị thiệt hại là không đúng và có cơ sở xác định trong vụ án này không có thiệt hại.

Bảng báo giá công ty N5 là có thật, việc không đóng dấu không làm thay đổi giá, công ty N5 cũng xác định giá trong dự thảo và bản chính thức là giống nhau.

Bị cáo Trần Mạnh H nguyên gốc là người của bệnh viện Đ, sau đó biệt phái về sở y tế để thực hiện dự án này do có nghiệp vụ chuyên môn. Giá thầu là giá trần 38,6 tỷ đồng. Hành vi bị cáo không phải là nguyên nhân gây hậu quả, không có mối quan hệ với hậu quả, vì chứng thư thẩm định giá 38,4 tỷ đồng là giá công ty C6 đưa ra, giá trúng là 37,9 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, đúng sự thật về hành vi của bị cáo, chưa từng có hành vi không khai báo, còn việc nhận định bị cáo không phạm tội là nhận định chủ quan nên bị cáo đủ điều kiện được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ba ruột bị cáo có tham gia kháng chiến, mẹ bị cáo là liệt sỹ, trong quá trình công tác bị cáo có nhiều bằng khen của cấp tỉnh, cấp Trung ương, bà ngoại bị cáo là mẹ Việt Nam anh hùng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án, để bị cáo có cơ hội sớm trở về chăm lo gia đình.

2.6. Bị cáo Đỗ Hữu H1 trình bày: Hành vi bị cáo chỉ là lỗi vô ý, bị cáo làm báo cáo theo hồ sơ nhận được, giá trị dự toán không có thay đổi. Bị cáo không thể biết nhà đầu vi phạm quy định đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, nếu nhà thầu không vi phạm thì hành vi của bị cáo không phạm tội. Bị cáo đã bị tạm giam hơn 02 năm, khi bị cáo bị bắt vợ mang thai, hơn 01 tháng sau vợ bị cáo sinh con. Trong thời gian tạm giam, người thân bị cáo mất nhưng bị cáo không thể về. Hậu quả vụ án đã được khắc phục toàn bộ, xin xem xét cho bị cáo sớm trở về gia đình,

2.7. Đại diện theo ủy quyền của Sở Y tế Thành phố H trình bày: Sở y tế thống nhất với Bản án sơ thẩm về kết luận của cơ quan tố tụng, đến thời điểm hiện nay các thiết bị đầu tư vẫn đang sử dụng hiệu quả, sở Y chỉ có ý kiến về việc thu hồi phần ngân sách Nhà nước đã bị thất thoát.

2.8. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: Người bào chữa bị cáo Tuấn A1, L1, T đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo, Viện kiểm sát không tranh luận

Đối với trình bày của người bào chữa cho bị cáo Mạnh H: Việc xác định hành vi bị cáo là có tội hay không có tội là của cơ quan tiến hành tố tụng, Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, lý lịch nhân thân thì bị cáo là con liệt sỹ thì bị cáo phải được áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng sơ thẩm chưa áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết này và xử bị cáo Mạnh H từ 05 năm – 06 năm tù. Đối với bị cáo Hữu H1, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

2.9. Các bị cáo và người bào chữa giữ nguyên nội dung đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

3. Phần các bị cáo nói lời sau cùng:

3.1. Bị cáo Huỳnh Tuấn A1: Viện kiểm sát đã rút kháng nghị đối với bị cáo và 02 bị cáo còn lại, vì quyết định tham gia gói thầu 25 ảnh hưởng toàn bộ nhân viên công ty T23, xin lỗi công ty, gia đình. Bị cáo có thời gian ngắn tiếp

xúc với bị cáo Trần Mạnh H thì theo bị cáo thì bị cáo H là chuyên viên nhiệt tình, có tâm, vì hành vi ghi nhầm ngày chứng thư nháp và chứng thư gốc dẫn đến việc phạm tội xin xem xét cho bị cáo H và các bị cáo còn lại.

3.2. Bị cáo Trần Mạnh H: Trong giai đoạn chống dịch mọi hoạt động đều khó khăn, không có người hỗ trợ cho bị cáo, trong quá trình thực hiện nhiều khi có thiếu sót chỉ thiếu ngày, tháng, bản chất bị cáo khi làm dự án luôn tâm niệm hạn chế tối đa cho Ngân sách Nhà nước, với áp lực dự án do bị chậm tiến độ và khi triển khai dự án là cao điểm mùa dịch nên mọi thứ khó khăn; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công cũng bị áp lực, thời gian tổ chức đấu thầu tối thiểu 06 tháng trong trường hợp có phát sinh thì phải qua năm sau, trong khi vốn đầu tư công trước 31/12 hàng năm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

3.3. Bị cáo Đỗ Hữu H1: Bị cáo nhiệt tình trách nhiệm khi tham gia dự án. Sau khi dự án hoàn thành được Ủy ban nhân dân tỉnh K3. Bị cáo chấp nhận Bản án sơ thẩm, không kháng cáo, bị cáo đã bị tạm giam hơn 02 năm, xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T, Trần Mạnh H, Phạm Minh A kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-P3 ngày 17/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền, còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/5/2026, bị cáo Phạm Minh A vắng mặt. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị về phần xác định thiệt hại, phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về phần xác định thiệt hại, phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T

[3] Về nội dung:

[3.1] Qua lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận:

Gói thầu số 25 - Thiết bị cho phòng M4 chấn thương chỉnh hình, thuộc dự án Trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa thành phố V do Sở Y tế tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ đầu tư, là một trong số 25 gói thầu được phê duyệt theo Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh B. Hình thức thực hiện là đấu thầu rộng rãi qua mạng, phương thức đấu thầu 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ, giá dự toán là 38.410.000.000 đồng, giá trị trúng thầu là 37.980.000.000 đồng; đã thanh toán cho doanh nghiệp 35.752.990.909 đồng. Trong quá trình thực hiện gói thầu nói trên đã có những vi phạm pháp luật cụ thể như sau:

[3.1.1] Hành vi của các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1:

Khoảng cuối tháng 5/2021, khi biết thông tin Sở Y tế tỉnh B có thông báo mời thầu Gói thầu số 25 được đăng tải trên trang mua sắm công, Huỳnh Tuấn A1 và Lê Hữu L1 đã liên hệ với nhau để trao đổi về việc Công ty Y có năng lực về tài chính, năng lực dự thầu nên sẽ đứng tên trên Hồ sơ dự thầu, Công ty T23 sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị hàng hóa. Tuy nhiên, để tránh việc lộ thông tin năng giá bán hàng với chênh lệch cao, giữa hai Công ty T23 và V3 không ký kết thỏa thuận liên doanh, liên kết dự thầu phù hợp pháp luật đấu thầu mà Công ty T23 sẽ mua hàng rồi bán lại cho Công ty Y với mức giá được nâng lên so với giá mua vào, sau đó Công ty Y sẽ bán cho Sở Y tế tỉnh B với mức giá chênh lệch không cao so với giá mà Công ty Y đã ký hợp đồng mua bán với Công ty T23. Nếu trúng thầu, Công ty Y sẽ được chia lợi nhuận khoảng từ 1,7 đến 1,8% tổng giá trị gói thầu. Sau khi được Lê Hữu L1 báo cáo, Tạ Quang T đồng ý thực hiện.

Huỳnh Tuấn A1 đã cùng với Lê Hữu L1, Tạ Quang T thực hiện hành vi gian dối khi tạo lập hồ sơ tham gia đấu thầu; sau khi trúng thầu không thực hiện đúng nội dung hồ sơ dự thầu mà ký hợp đồng qua bên thứ ba nhằm nâng giá trang thiết bị y tế để thu lợi bất chính. Hành vi nêu trên của Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1 và Tạ Quang T là hành vi gian lận trong đấu thầu khi cung cấp thông tin không trung thực trong hồ sơ dự thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu đã vi phạm điểm c khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu năm 2013, mục đích để cho Công ty Y trúng thầu và thu lợi bất chính lớn, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho tài sản Nhà nước.

Theo Kết luận định giá số 15 ngày 19/01/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự kết luận:

- Giá trị tài sản chưa bao gồm chi phí và lợi nhuận của nhà phân phối là 14.386.398.790 đồng.
- Giá trị tài sản đã bao gồm chi phí và lợi nhuận của nhà phân phối thứ nhất là 17.688.100.171 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản sản (giá trị tài sản đã bao gồm chi phí và lợi nhuận của nhà phân phối) và giá trị tài sản đã được Sở Y tế đã thanh quyết

toán cho công ty Y là 35.752.990.909 đồng, xác định số tiền chênh lệch là 35.752.990.909 đồng - 17.688.100.171 đồng = 18.064.890.192 đồng.

Kết luận định giá số 15/KL-HĐĐGTS được ban hành căn cứ trên việc thẩm định giá tài sản có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ kèm theo, tuy nhiên Kết luận định giá cũng ghi nhận việc định giá trong Tổ tụng hình sự có một số hạn chế, chỉ ghi nhận các khoản có chứng từ, hóa đơn hợp lý, hợp lệ, không ghi nhận chi phí có thể phát sinh, giá trị tài sản chưa thể phán ánh đầy đủ phát sinh. Quá trình điều tra, truy tố đã xác minh, làm rõ thực tế trong quá trình thi công lắp đặt phòng mổ chân thương chỉnh hình có phát sinh chi phí 5.647.373.767 đồng, như: tháo dỡ, cải tạo phòng mổ (tháo dỡ những hạng mục không đạt tiêu chuẩn, không phù hợp, cải tạo lại phần xây dựng thô của phòng), chi phí phần mềm điều khiển từng máy và toàn bộ hệ thống phòng mổ, chi phí cân chỉnh máy móc để chạy thử, chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng, bảo hành bảo trì; chi phí này chưa được định giá xác định trong kết luận định giá tài sản do không có hóa đơn chứng từ, nhưng là các chi phí cần thiết, được nêu tại Hợp đồng giữa Công ty T23 và Công ty Y, Hợp đồng giữa Công ty Y và Sở Y tế, được ghi nhận tại biên bản hiện trường thống nhất phương án triển khai Gói thầu 25, biên bản nghiệm thu lắp đặt, chạy thử máy móc. Tính đến nay phòng mổ vẫn hoạt động có hiệu quả, bị hại không có ý kiến đòi phần chi phí phát sinh đã được các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định. Căn cứ Điều 9 Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ T30 Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Khoản 5 Điều 4 Chương II Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 Quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết các vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế: *“5. Trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đầu tư gây ra, thì mức độ thiệt hại được xác định theo nguyên tắc lấy tổng chi phí đầu tư dự án trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ...”*, có cơ sở xác định chi phí thực tế phát sinh hợp lý là 5.647.373.767 đồng để cân trừ tính thiệt hại trong vụ án.

Do đó xác định thiệt hại của Sở Y trong vụ án là 35.752.990.909 đồng - 17.688.100.171 đồng - 5.647.373.767 đồng = 12.417.516.425 đồng.

[3.1.2] Hành vi của các bị cáo Đỗ Hữu H1, Trần Mạnh H, Phạm Minh A:

Phạm Minh A - Giám đốc Sở Y tế tỉnh B, Trần Mạnh H - Chuyên viên Phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế, Đỗ Hữu H1 - Giám đốc Công ty TNHH T22 là những người có chức trách, nhiệm vụ trong Dự án Gói thầu số 25, trong đó Phạm Minh A là đại diện Chủ đầu tư, Trần Mạnh H được giao nhiệm vụ trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo - chủ đầu tư, Đỗ Hữu H1 có trách nhiệm tư vấn quản lý dự án đối với Gói thầu số 25. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ dựa trên bản Dự thảo Chứng thư thẩm định giá (không hợp lệ), không kiểm tra, đánh giá tính pháp lý của chứng thư để lập tờ trình đề nghị phê duyệt cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu, từ đó ký ban hành Quyết định số 437/QĐ-

SYT ngày 20/5/2021 phê duyệt cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu là 38.410.000.000 đồng, tạo điều kiện để các bị cáo Huỳnh Tuấn A1 (Công ty T23), Tạ Quang T, Lê Hữu L1 (Công ty Y) được trúng thầu cung cấp trang thiết bị y tế phòng mổ Hybrid chấn thương chỉnh hình Bệnh viện đa khoa thành phố V theo giá trúng thầu là 37.980.000.000 đồng, gây thiệt hại tài sản Nhà nước số tiền 12.417.516.425 đồng.

[3.2] Các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T, Phạm Minh A, Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T nhận thức được việc việc thực hiện trái các quy định của pháp luật về đấu thầu, gian dối khi tạo lập hồ sơ tham gia đấu thầu, ký hợp đồng qua bên thứ ba nhằm nâng khống giá hàng hóa đấu thầu để thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực đấu thầu, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, uy tín của hoạt động đấu thầu, gây thiệt hại tài sản Nhà nước.

Các bị cáo Phạm Minh A, Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1 là người có chức vụ, quyền hạn trong các tổ chức, cơ quan có trách nhiệm tư vấn, tham mưu, phê duyệt, tổ chức đấu thầu. Các bị cáo tuy có điều kiện xác minh, kiểm tra thông tin hợp lệ của hồ sơ nhưng đã không thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, dẫn đến việc phê duyệt gói thầu với giá dự toán cao, tạo điều kiện cho các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T tham gia dự thầu, trúng thầu với giá cao hơn so với giá trị thực tế của hàng hóa, thiết bị y tế, gây thiệt hại tài sản Nhà nước.

[3.3] Với hành vi nêu tại mục [3.1] và nhận định tại mục [3.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 222 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xét xử các bị cáo Phạm Minh A, Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo kêu oan, không có tội của bị cáo Trần Mạnh H:

Bị cáo Trần Mạnh H kháng cáo kêu oan với lý do bị cáo không có trách nhiệm trong việc kiểm tra, rà soát đối với các đơn vị tư vấn của Dự án trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Đ; Kết luận định giá số 15/KL-HĐĐGTS trái pháp luật về hình thức và nội dung.

Xét thấy, như nội dung và nhận định đã nêu tại mục [3], bị cáo Trần Mạnh H là Chuyên viên Phòng Kế hoạch Tài Chính Sở Y tế, được phân công, giao nhiệm vụ trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo là bị cáo Phạm Minh A – Giám đốc Sở Y tế, đại diện Chủ đầu tư, đối với việc tổ chức đấu thầu mua sắm, kiểm soát chất lượng vật tư, hàng hóa, trang thiết bị y tế. Đối với Gói thầu số 25, bị cáo

Mạnh H được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng đối với các đơn vị tư vấn đã ký với Sở Y đồng thời rà soát, kiểm tra các Văn bản của các đơn vị tư vấn trước khi trình Giám đốc Sở Y ký phê duyệt. Bị cáo Mạnh H sau khi nhận được Dự thảo Chứng thư thẩm định giá do Công ty T27 gửi qua email thì đã chuyển tiếp cho Công ty T22 lập Tờ trình đề nghị phê duyệt cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật và dự toán gói thầu. Bị cáo biết Tờ trình do Công ty T22 lập chỉ căn cứ vào Dự thảo Chứng thư thẩm định giá để ban hành là không đúng quy định nhưng không báo cáo lãnh đạo mà tiếp tục căn cứ Tờ trình lập không đúng quy định để tham mưu cho lãnh đạo ký quyết định phê duyệt. Sau đó, bị cáo Mạnh H dù biết Báo cáo và Chứng thư thẩm định giá có nêu những hạn chế trong quá trình thẩm định và biết Bảng báo giá ghi tên Công ty N5 là căn cứ ban hành Chứng thư không có giá trị pháp lý nhưng không báo cáo cho lãnh đạo để có biện pháp ngăn chặn, sửa chữa mà tiếp tục tham mưu tổ chức đấu thầu. Như vậy, bị cáo Trần Mạnh H có trách nhiệm trong việc kiểm tra, rà soát, tham mưu cho lãnh đạo trong việc phê duyệt gói thầu, tổ chức đấu thầu nhưng đã thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng trách nhiệm, dẫn đến hậu quả bị cáo Phạm Minh A đã ký quyết định phê duyệt, tổ chức đấu thầu với giá dự toán cao, tạo điều kiện cho nhóm bị cáo Huỳnh Tuấn A1 trúng thầu với giá cao.

Việc định giá hàng hóa, tài sản trong vụ án dựa trên các hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đây là căn cứ để xác định thiệt hại trong vụ án. Bị cáo Mạnh H kháng cáo cho rằng Kết luận định giá số 15/KL-HĐĐGTS trái pháp luật về hình thức và nội dung nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh để Hội đồng xét xử xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan, không có tội của bị cáo Trần Mạnh H.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét nhân thân, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, xem xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm, trong đó bị cáo Huỳnh Tuấn A1 có vai trò cao nhất trong nhóm các bị cáo đồng phạm về hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, cao hơn các bị cáo Lê Hữu L1 và Tạ Quang T.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết của các bị cáo là: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả của vụ án, bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Bị cáo Tuấn A1 có tài sản để khắc phục thiệt hại, luôn nỗ lực vì cộng đồng, xã hội, thiện nguyện đóng góp cho cá nhân, tổ chức ở nhiều nơi, đặc biệt là trong mùa dịch Covid 19 và nhận được nhiều thư cảm ơn, thư tri ân từ Ủy ban nhân dân tỉnh A, Ban thường vụ Hội liên hiệp phụ nữ huyện T, Sở Y tế tỉnh B, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh B, Bệnh viện Lê Lợi tỉnh B, các trường học; được địa phương biểu dương người tốt, việc tốt.

Bị cáo L1 bị bệnh nặng (xơ gan, viêm gan siêu vi B, viêm túi mật do sỏi đã cắt túi mật, suy thận mạn giai đoạn cuối đã ghép thận, hiện trong tình trạng suy giảm chức năng đa cơ quan, tỷ lệ tổn thương cơ thể được Hội đồng giám định y khoa xác định là 81%).

Bị cáo T hiện tình trạng sức khỏe rất yếu: bị cáo bị nhồi máu não, viêm phổi bệnh viện, tăng huyết áp, đái tháo đường típ 2, rối loạn lipid máu, táo bón, tại phiên tòa bị cáo ngồi xe lăn và không thể tự sinh hoạt, phải có thân nhân hỗ trợ.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Tuấn A1 08 năm tù, bị cáo L1 và bị cáo T mỗi bị cáo 07 năm tù cùng về tội “Vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 222 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)”.

Các bị cáo Tuấn A1, L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Tuấn A1, L1, T vì lý do phần thiệt hại trong vụ án được khắc phục chưa đáng kể so với thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tình tiết này để xét xử các bị cáo thấp hơn khung hình phạt là chưa phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp tình tiết mới: Bị cáo Tuấn A1 đã nộp thêm số tiền 10.203.876.425 đồng (theo các Biên lai thu số 0006264 ngày 10/4/2026, 0008138 ngày 04/5/2026) để bảo đảm khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án; Bị cáo L1 mặc dù không bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc phải tiếp tục bồi thường thiệt hại nhưng bị cáo tự nguyện nộp thêm số tiền 50.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0004869 ngày 19/3/2026) để bảo đảm khắc phục hậu quả. Ngoài ra các bị cáo không cung cấp tình tiết mới nào khác, các tình tiết mà các bị cáo và luật sư trình bày tại cấp phúc thẩm thì đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng.

Xét thấy, Sở Y tế thiệt hại số tiền 12.417.516.425 đồng, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Y đã nộp số tiền tổng cộng 2.213.640.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả. Do số tiền Sở Y tế thanh toán đã được Công ty Y chuyển giao cho bị cáo Tuấn A1 nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Tuấn A1 còn phải bồi thường cho Sở Y tế số tiền 10.203.876.425 đồng là có cơ sở.

Như vậy, số tiền các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp tại cấp sơ thẩm để khắc phục hậu quả là chưa đáng kể so với thiệt hại của vụ án. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo Tuấn A1 đã tự nguyện nộp thêm đủ tiền khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án, bị cáo L1 tự nguyện giao phần tiền nộp dư cho bị hại, đây là tình tiết mới đáng kể so với mức thiệt hại đã được bảo đảm

khắc phục tại cấp sơ thẩm. Do thiệt hại của vụ án là thiệt hại trực tiếp do hành vi phạm tội của các bị cáo Tuấn A1, L1, T gây ra, nay được bảo đảm khắc phục toàn bộ nên Đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Tuấn A1, L1, T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tình tiết mới để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả, thiệt hại trong vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá đây là tình tiết mới để giảm một phần trách nhiệm hình sự của các bị cáo tại cấp phúc thẩm, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tuấn A1, L1, T; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, giảm nhẹ hình phạt tù đối với các bị cáo Tuấn A1, L1, T; Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Minh A, kháng nghị tăng nặng mức hình phạt tù đối với bị cáo Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1:

[6.1] Về vai trò của các bị cáo phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” của các bị cáo Phạm Minh A, Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1:

Viện kiểm sát kháng nghị đề nghị xác định sai phạm của bị cáo Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1 là nguyên nhân chính, trực tiếp dẫn đến sai phạm của bị cáo Phạm Minh A, do vậy cần xác định bị cáo Mạnh H, Hữu H1 phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo Minh A.

Xét thấy, bị cáo Mạnh H là Chuyên viên Phòng Kế hoạch Tài chính, có trách nhiệm trực tiếp trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn, tham mưu lãnh đạo, gửi hồ sơ, tài liệu cho đơn vị tư vấn và nhận kết quả tư vấn (Tờ trình số 54), kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu liên quan là căn cứ để phê duyệt dự toán gói thầu, tổ chức đấu thầu nhưng đã thiếu trách nhiệm dẫn đến sai phạm khi tham mưu cho bị cáo Minh A. Đối với bị cáo Minh A với tư cách lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, nhưng có vi phạm trong quá trình phân công, giao nhiệm vụ cho bị cáo Mạnh H không thông qua tập thể Lãnh đạo, không thông qua Phòng, Ban chuyên môn theo quy chế làm việc mẫu do Ủy ban nhân dân tỉnh B7, không tổ chức các cuộc họp với tập thể Ban Giám đốc và Ban Thường vụ Đảng ủy Sở Y tế để kịp thời phát hiện các sai phạm, không kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu kèm theo Tờ trình số 54; Như vậy vi phạm của bị cáo Minh A là xuyên suốt từ khâu phân công nhiệm vụ, giám sát thực hiện, tổ chức cuộc họp, kiểm tra tính hợp pháp của nội dung tham mưu, Tờ trình và các tài liệu kèm theo, bị cáo đã không thực hiện đúng trách nhiệm, dẫn hệ quả không chỉ không kịp thời phát hiện các vi phạm của bị cáo Mạnh H mà còn phê duyệt dự toán gói thầu trái quy định, gây thiệt hại tài sản Nhà nước. Do đó, vai trò của các bị cáo Mạnh H, Minh A gắn với phạm vi công việc, chức vụ, quyền hạn của từng bị cáo, đều là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến kết quả phê duyệt dự toán gói thầu trái quy định, nên có vai trò ngang bằng nhau trong vụ án.

Đối với bị cáo Hữu H1 biết bị cáo Mạnh H gửi email Dự thảo Chứng thư Thẩm định giá, nhưng vẫn căn cứ Dự thảo, không kiểm tra tính pháp lý của các

tài liệu nêu trong Dự thảo, từ đó lập Tờ trình số 54 đề nghị phê duyệt cấu hình, dự toán gói thầu, là cơ sở để bị cáo Mạnh H tham mưu cho bị cáo Minh A. Như vậy, Tờ trình số 54 do bị cáo Hữu H1 lập không đúng quy định là một trong các nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sai phạm của bị cáo Minh A. Tuy nhiên bị cáo Hữu H1 và Công ty T22 với tư cách là bên cung cấp dịch vụ tư vấn, thực hiện tư vấn trên tài liệu do người của Sở Y là bị cáo Mạnh H cung cấp, kết quả tư vấn của Công ty T22 vẫn cần được Sở Y tế kiểm tra, đánh giá trước khi phê duyệt. Vì vậy, cần xem xét vai trò của bị cáo Hữu H1 có phần thấp hơn so với bị cáo Mạnh H, Minh A.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, xem xét lại vai trò của các bị cáo Minh A, Mạnh H, Hữu H1 để làm cơ sở xác định trách nhiệm hình sự phù hợp với vai trò của từng bị cáo.

[6.2] Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phạm Minh A, Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét vai trò bị cáo Minh A cao hơn bị cáo Mạnh H, bị cáo Mạnh H cao hơn bị cáo Hữu H1, xem xét nhân thân, xem xét các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, cụ thể:

- Bị cáo Minh A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả của vụ án; bị cáo có cha ruột là Liệt sỹ; bị cáo có nhiều thành tích trong công tác; tích cực trong phòng chống dịch C7, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

- Bị cáo Mạnh H thành khẩn khai báo về hành vi vi phạm của mình; bị cáo có mẹ ruột là Liệt sỹ; tích cực trong phòng chống dịch C7, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Hữu H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả của vụ án; bị cáo làm công ăn lương, được thuê làm Giám đốc, là lao động chính trong gia đình, con mới sinh đang còn nhỏ, mẹ già, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo

Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Minh A 05 (Năm) năm tù, bị cáo Mạnh H 04 (Bốn) năm tù, bị cáo Hữu H1 03 (Ba) năm tù cùng về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Minh A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo Mạnh H, Hữu H1; Sở Y tế Thành phố H có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo Minh A.

Tại cấp phúc thẩm: Các bị cáo Minh A, Mạnh H, Hữu H1 không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, các tình tiết mà các bị cáo và luật sư trình bày tại cấp phúc thẩm thì đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng. Đối với tình tiết mẹ bị cáo Mạnh H là liệt sỹ (quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự) thì đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nhưng ghi căn cứ pháp lý điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có sai sót nhưng không làm ảnh hưởng đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử điều chỉnh về chính tả để phù hợp với căn cứ pháp lý. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm kháng nghị, đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo Mạnh H, Hữu H1, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù đối với bị cáo Minh A.

Như đã nhận định, Hội đồng xét xử xem xét lại về vai trò của các bị cáo trong vụ án nên cần xem xét, đánh giá áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra, phù hợp với vai trò, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Trong đó bị cáo Minh A và bị cáo Mạnh H có vai trò ngang nhau, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Mạnh H là chưa tương xứng với vai trò của bị cáo, có phần nhẹ. Mặc dù vai trò ngang nhau, nhưng bị cáo Minh A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn so với bị cáo Mạnh H, nên cần phân hóa hình phạt tương xứng với từng bị cáo. Bị cáo Hữu H1 có vai trò thấp hơn các bị cáo Minh A, Mạnh H nhưng thấp hơn không nhiều, vì Tờ trình số 54 của Công ty T22 là cơ sở trực tiếp để bị cáo Mạnh H tham mưu, bị cáo Minh A2 phê duyệt, dẫn đến thiệt hại Ngân sách Nhà nước số tiền đặc biệt lớn, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Hữu H1 là có phần nhẹ, nên cũng cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò của bị cáo Hữu H1.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo Mạnh H, Hữu H1; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Minh A và đề nghị của Viện kiểm sát, giảm nhẹ hình phạt tù đối với bị cáo Minh A; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Minh A.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Tuấn A1 đề nghị xác định lại thiệt hại của vụ án, xác định bị cáo chỉ chịu trách nhiệm dân sự trong phạm vi số tiền 2.760.844.478 đồng.

Bị cáo Tuấn A1 kháng cáo cho rằng Kết luận định giá số 15 có nhiều thiếu sót dẫn đến tính toán thiệt hại vụ án và lợi nhuận của Công ty T23 cao hơn rất nhiều so với thực tế; Theo sổ sách doanh thu Gói thầu số 25 là 35.428.944.598 đồng, chi phí Công ty T23 thực hiện Gói thầu là 29.194.127.627 đồng, thuế Thu nhập doanh nghiệp là 1.246.963.392 đồng, công ty Y chưa thanh toán 2.227.009.091 đồng, do đó Công ty T23 chỉ thu lợi 2.760.844.478 đồng; đề nghị Tòa án xác định bị cáo Tuấn A1 chỉ chịu trách nhiệm dân sự trong phạm vi số tiền 2.760.844.478 đồng.

Xét thấy, Kết luận định giá số 15/KL-HĐĐGTS được ban hành đúng quy định của pháp luật, là cơ sở để xác định thiệt hại trong vụ án. Bị cáo Tuấn A1 kháng cáo cho rằng Kết luận định giá có nhiều thiếu sót dẫn đến tính toán thiệt hại vụ án cao hơn so với thực tế nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, theo quy định tại Điều 585 Bộ luật dân sự 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: *“Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được của chủ thể bị xâm phạm...”*, nguyên tắc bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP: *“b) “Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ” là tất cả các thiệt hại thực tế xảy ra đều phải được bồi thường”*.

Như vậy thiệt hại phải được bồi thường là toàn bộ khoản tổn thất vật chất thực tế của Sở Y (Bị hại), trực tiếp do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, được xác định là chênh lệch giữa số tiền Sở Y đã thực tế thanh quyết toán cho V3 so với giá trị hàng hóa nhóm bị cáo Tuấn A1 đã cung cấp và chi phí phát sinh trong quá trình thi công, lắp đặt, là 12.417.516.425 đồng. Bị cáo Tuấn A1 đề nghị xác định bị cáo chỉ chịu trách nhiệm dân sự trong phạm vi số tiền Công ty T23 thu lợi 2.760.844.478 đồng là không đúng quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tuấn A1 về phần xác định lại thiệt hại, trách nhiệm dân sự của bị cáo Tuấn A1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[8] Về xử lý tài sản kê biên đối với nhà đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bị cáo Huỳnh Tuấn A1 và vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc D:

Ngày 29/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã ban hành Lệnh Kê biên tài sản số 328/LKB-CSKT-D4, kê biên căn nhà tại số E Đường số D, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 14, diện tích 96,2m², địa chỉ Lô B khu nhà ở T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 618230 do Ủy ban nhân dân Quận G2 cấp ngày 20/8/2015 cho Huỳnh Tuấn A1 và Nguyễn Thị Ngọc D.

Xét thấy thiệt hại của Sở Y tế trong vụ án là 12.417.516.425 đồng. Số tiền các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp tại cấp sơ thẩm để bồi thường, khắc phục hậu quả là 2.213.640.000 đồng; Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Tuấn A1 còn phải bồi thường cho Sở Y tế số tiền 10.203.876.425 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Tuấn A1 đã tự nguyện nộp số tiền 10.203.876.425 đồng, bị cáo Lê Hữu L6 tự nguyện nộp số tiền 50 triệu đồng để khắc phục hậu quả. Như vậy tổng số tiền các bị cáo nộp thêm tại cấp phúc thẩm đủ để bảo đảm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bị hại là Sở Y tế Thành phố H.

Do đó, xét thấy không còn cần thiết kê biên tài sản của bị cáo Tuấn A1 để bảo đảm bồi thường thiệt hại cho Sở Y tế trong vụ án này, nên cần hủy Lệnh Kê biên tài sản số 328/LKB-CSKT-D4 (trong trường hợp không bị kê biên để bảo đảm thi hành nghĩa vụ trong vụ án khác).

[9] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh A, Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1 về phần hình phạt; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Mạnh H; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Tuấn A1 về phần trách nhiệm dân sự; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 760/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt của các bị cáo và phần xử lý tài sản kê biên theo nội dung nhận định như trên.

[10] Nhận định trên đây cũng là lập luận của Hội đồng xét xử về việc chấp nhận, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát, lời bào chữa của luật sư bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm.

[11] Do bị cáo Lê Hữu L1 tự nguyện giao cho Sở Y tế tỉnh B (nay là Sở Y tế Thành phố H) số tiền khắc phục hậu quả 50.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0004869 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Ghi nhận số tiền các bị cáo tự nguyện nộp tại cấp phúc thẩm để thi hành nghĩa vụ dân sự đối với Sở Y tế tỉnh B (nay là Sở Y tế Thành phố H), gồm:

- Bị cáo Huỳnh Tuấn A1 nộp số tiền 10.203.876.425 đồng, theo Biên lai số 0006264 ngày 10/4/2026 và 0008138 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo Lê Hữu L1 nộp số tiền 50.000.000 đồng, theo Biên lai số 0004869 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[13] Về án phí phúc thẩm:

[13.1] Án phí hình sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận bị cáo Trần Mạnh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận/chấp nhận một phần nên các bị cáo Phạm Minh A, Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[13.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh Tuấn A1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[14] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 348; điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-P3 ngày 17/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần xác định thiệt hại, phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Lê Hữu L1, Tạ Quang T

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh A, Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1 về phần hình phạt; chấp nhận quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-P3 ngày 17/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Mạnh H; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Tuấn A1 về phần trách nhiệm dân sự; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 760/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt của các bị cáo và phần xử lý tài sản kê biên.

2.1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh A, Trần Mạnh H và Đỗ Hữu H1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; các bị cáo Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1 phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”.

2.1.1. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tuấn A1 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Tạ Quang T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến ngày 29/5/2025.

2.1.3. Áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu L1 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.1.4. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh A 04 (bốn) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.1.5. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Mạnh H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2024.

2.1.6. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Hữu H1 04 (bốn) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2024.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Mạnh H, Đỗ Hữu H1 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2.2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Tuấn A1 bồi thường cho Sở Y tế tỉnh B (nay là Sở Y tế Thành phố H) số tiền 10.203.876.425 (mười tỷ hai trăm ba triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi lăm) đồng.

Số tiền 560.844.478 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006264 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H và 9.643.031.947 đồng (Chín tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền số 0008138 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H được trừ vào trách nhiệm dân sự của bị cáo Huỳnh Tuấn A1 tại giai đoạn thi hành án.

2.3. Về xử lý tài sản kê biên đối với quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của bị cáo Huỳnh Tuấn A1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D:

Hủy bỏ Lệnh Kê biên tài sản số 328/LKB-CSKT-D4, kê biên căn nhà tại số E Đường số D, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 14, diện tích 96,2m², địa chỉ Lô B khu nhà ở T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 618230 do G2 cấp ngày 20/8/2015 cho Huỳnh Tuấn A1 và Nguyễn Thị Ngọc D.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Hữu L1 về việc tự nguyện giao cho Sở Y tế tỉnh B (nay là Sở Y tế Thành phố H) số tiền khắc phục hậu quả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà bị cáo nộp theo Biên lai số 0004869 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí phúc thẩm:

4.1. Án phí hình sự phúc thẩm

Bị cáo Trần Mạnh H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Phạm Minh A, Huỳnh Tuấn A1, Tạ Quang T, Lê Hữu L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị cáo Huỳnh Tuấn A1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM (12);
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG số 1 – CA TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo (2))
- BCTN (4);
- BH (1);
- NLQ (28);
- Lưu (10) 64b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn